

DANH MỤC KỸ THUẬT ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CÙ LAO DUNG

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
1	1	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC						
2		A. TUẦN HOÀN						
3	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
4	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
5	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
7	5	Làm test phục hồi máu mao mạch	x	x	x	x	x	
8	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x	x	
9	7	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng	x	x	x		x	
10	8	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	x	x	x		x	
12	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x		x	
14	12	Đặt đường truyền vào xương (qua đường xương)	x	x	x		x	
17	15	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x		x	
18	16	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục ≤ 8 giờ	x	x			x	vượt tuyến
20	18	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
21	19	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
22	20	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu	x	x	x		x	
24	22	Siêu âm cấp cứu đánh giá tiền gánh tại giường bệnh ở người bệnh sốc	x	x			x	vượt tuyến
30	28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x	x	
31	29	Đo độ bão hoà oxy tĩnh mạch trung tâm (ScvO2)	x	x			x	vượt tuyến
34	32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	x	x		x	
36	34	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện	x	x	x		x	
37	35	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x		x	
38	36	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	x	x	x		x	
39	37	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim	x	x	x		x	
40	38	Tạo nhịp tim vượt tần số	x	x			x	vượt tuyến
41	39	Hạ huyết áp chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
42	40	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	x	x	x		x	
43	41	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	x	x	x		x	
45	43	Mở màng ngoài tim cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x		x	
46	44	Dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
47	45	Dùng thuốc chống đông	x	x	x		x	
52	50	Liệu pháp insulin liều cao điều trị ngộ độc (để nâng huyết áp) ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
53	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x	x	x	x	x	
54		B. HỒ HẤP						
55	52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	x	x	x	x	x	
56	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	x	x	
57	54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	x	x	x	x	x	
58	55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	x	x	x		x	
59	56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
60	57	Thở oxy qua gong kính (≤ 8 giờ)	x	x	x	x	x	
61	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	x	x	x	x	x	
62	59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x	x	
63	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x	x	
64	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x	x	
65	62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	x	x	x	x	x	
66	63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (≤ 8 giờ)	x	x	x		x	
67	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x	x	
68	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x	x	
69	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x		x	
71	68	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	x	x	x		x	
74	71	Mở khí quản cấp cứu	x	x	x		x	
75	72	Mở khí quản qua màng nhĩ gấp	x	x	x		x	
76	73	Mở khí quản thường quy	x	x	x		x	
77	74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngay thở	x	x	x		x	
78	75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x	x	x		x	
79	76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x		x	
80	77	Thay ống nội khí quản	x	x	x		x	
81	78	Rút ống nội khí quản	x	x	x		x	
82	79	Rút canuyn khí quản	x	x	x		x	
83	80	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x		x	
84	81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x	x	x	x	x	
85	82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)	x	x	x	x	x	
87	84	Thăm dò CO2 trong khí thở ra	x	x	x		x	
88	85	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x		x	
89	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x	x	
90	87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	x	x	x		x	
91	88	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	x	x	x		x	
92	89	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng	x	x	x	x	x	
94	91	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩ gấp	x	x	x		x	
95	92	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x			x	
96	93	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter	x	x	x		x	
97	94	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
98	95	Mở màng phổi cấp cứu	x	x	x		x	
99	96	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	x	x	x		x	
100	97	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
109	106	Nội soi khí phế quản cấp cứu	x	x	x		x	
114	111	Nội soi khí phế quản lấy dị vật	x	x	x		x	
131	128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
132	129	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
133	130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
134	131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
135	132	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
136	133	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
137	134	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
138	135	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
139	136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
140	137	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
141	138	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
147	144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	x	x	x		x	
148	145	Cai thở máy bằng phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
149	146	Cai thở máy bằng phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
150	147	Cai thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
154	151	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP	x	x	x		x	
157	154	Theo dõi các thông số cơ học phổi ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
158	155	Gây mê liên tục kiểm soát người bệnh thở máy ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
159	156	Điều trị bằng oxy cao áp	x	x			x	vượt tuyển
160	157	Cổ định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x	x	
161	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x	x	
162	159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	x	x	x		x	
163		C. THẬN - LỌC MÁU						
164	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	x	x	
165	161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x		x	
166	162	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	x	x	x		x	
167	163	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x		x	
168	164	Thông bàng quang	x	x	x	x	x	
169	165	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x		x	
170	166	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x		x	
174	170	Bài niệu cường bức ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
175	171	Kiểm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
205		D. THẬN KINH						
206	201	Soi đáy mắt cấp cứu	x	x	x		x	
207	202	Chọc dịch tủy sống	x	x	x		x	
216	211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x	x	
218	213	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
219	214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
220		D. TIÊU HOÁ						
221	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x	x	
222	216	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x	x	
223	217	Mở thông dạ dày bằng nội soi	x	x			x	
224	218	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x	x	
225	219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x	x	x	x	
226	220	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hoá (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	x	x	x		x	
227	221	Thụt tháo	x	x	x	x	x	
228	222	Thụt giữ	x	x	x	x	x	
229	223	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x	x	
230	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x	x	x	x	x	
231	225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	x	x	x	x	x	
232	226	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
233	227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
234	228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở da dày (môt lần)	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyet	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
235	229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	x	x	x	x	x	
236	230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
237	231	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu	x	x	x		x	
245	239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x		x	
246	240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x		x	
247	241	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
248	242	Rửa màng bụng cấp cứu	x	x	x		x	
249	243	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
250	244	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	x	x	x		x	
251		E. TOÀN THÂN						
252	245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	x	x	x		x	
253	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x	x	
254	247	Hạ thân nhiệt chỉ huy	x	x	x		x	
255	248	Nâng thân nhiệt chỉ huy	x	x	x		x	
256	249	Giải stress cho người bệnh	x	x	x		x	
257	250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x		x	
258	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x	x	
259	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x	x	
260	253	Lấy máu tĩnh mạch ben	x	x	x	x	x	
261	254	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	x	x	
262	255	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
263	256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x		x	
264	257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x		x	
265	258	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
266	259	Rửa mắt tẩy độc	x	x	x		x	
267	260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	x	x	x		x	
268	261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	x	x	x	x	x	
269	262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x	x	
270	263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x	x	
271	264	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x	x	
272	265	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x	x	
273	266	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x	x	
274	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	x	x		x	
275	268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
276	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	x	x	x	x	x	
277	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x	x	
278	271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc	x	x	x		x	
279	272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	x	x	x		x	
280	273	Điều trị giải độc bằng huyết thanh kháng nọc đặc hiệu	x	x	x		x	
281	274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp	x	x	x		x	
282	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x	x	
283	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x	x	
284	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x	x	
285	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	x	x	
286	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	x	x	x		x	
287	280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x		x	
288		G. XÉT NGHIỆM						
289	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	x	x	
290	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
291	283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	x	x	x		x	
292	284	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	x	x	
293	285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	x	x	x	x	x	
294	286	Đo các chất khí trong máu	x	x	x		x	
295	287	Đo lactat trong máu	x	x	x		x	
296	288	Định tính chất độc bằng test nhanh – một lần	x	x	x		x	
304	296	Phát hiện opiat bằng naloxone	x	x	x		x	
305	297	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x		x	
306	298	Định lượng nhanh NT-ProBNP trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x		x	
307	299	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x		x	
308	300	Định lượng nhanh myoglobin trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x		x	
309	301	Định lượng nhanh CK-MB trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x		x	
310	302	Xác định nhanh INR/PT/ Quick % tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x		x	
311		H. THĂM DÒ KHÁC						
312	303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x		x	
313	304	Chụp X quang cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
314	II	NỘI KHOA						
315		A. HỒ HẤP						
316	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x	x	
317	2	Bơm rửa khoang màng phổi	x	x	x		x	
319	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	x	x	
322	7	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x		x	
323	8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x		x	
324	9	Chọc dò dịch màng phổi	x	x	x	x	x	
325	10	Chọc tháo dịch màng phổi	x	x	x	x	x	
326	11	Chọc hút khí màng phổi	x	x	x		x	
327	12	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x		x	
329	14	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x	x	x	x	x	
331	16	Đặt ống dẫn lưu khoang MP	x	x	x		x	
339	24	Đo chức năng hô hấp	x	x	x	x	x	
340	25	Gây dính màng phổi bằng thuốc/ hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi	x	x	x		x	
341	26	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục	x	x	x		x	
343	28	Kỹ thuật ho có điều khiển	x	x	x	x	x	
344	29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	x	x	x	x	x	
345	30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x	x	x		x	
346	31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	x	x	
347	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x	x	
348	33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x		x	
375	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	x	x	x		x	
376	61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x		x	
378	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x	x		x	
379	64	Sinh thiết màng phổi mù	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
382	67	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	x	x	
383	68	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	x	x	
384		B. TIM MẠCH						
390	74	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim	x	x	x		x	
391	75	Chọc dò màng ngoài tim	x	x	x		x	
401	85	Điện tim thường	x	x	x	x	x	
411	95	Holter điện tâm đồ	x	x	x		x	
412	96	Holter huyết áp	x	x	x		x	
413	97	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x		x	
414	98	Kích thích tim vượt tần số điều trị loạn nhịp	x	x			x	vượt tuyển
427	111	Nghiệm pháp atropin	x	x	x		x	
428	112	Siêu âm Doppler mạch máu	x	x	x		x	
429	113	Siêu âm Doppler tim	x	x	x		x	
432	116	Siêu âm tim 4D	x	x			x	vượt tuyển
435	119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
436	120	Sốc điện điều trị rung nhĩ	x	x			x	vượt tuyển
437	121	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh	x	x	x		x	
444		C. THẦN KINH						
445	128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x	x	x	x	x	
446	129	Chọc dò dịch não tủy	x	x	x		x	
462	145	Ghi điện não thường quy	x	x	x		x	
466	149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x	x	x		x	
467	150	Hút đờm hầu họng	x	x	x	x	x	
468	151	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x		x	
473	156	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	x	x			x	vượt tuyển
475	158	Test chẩn đoán nhược cơ bằng thuốc	x	x	x		x	
480	163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	x	x	x		x	
481	164	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường	x	x	x		x	
482	165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường	x	x	x		x	
483	166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	x	x	x		x	
484		D. THẬN TIẾT NIỆU						
485	167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần	x	x	x		x	
486	168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tự dịch- máu quanh thận/lần	x	x	x		x	
487	169	Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu	x	x			x	
488	170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu	x	x	x		x	
489	171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu	x	x	x		x	
490	172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ	x	x	x		x	
493	175	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x		x	
495	177	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x		x	
506	188	Đặt sonde bàng quang	x	x	x		x	
513	195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x		x	
550	232	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x		x	
551	233	Rửa bàng quang	x	x	x		x	
559		Đ. TIÊU HÓA						
560	241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)	x	x	x	x	x	
561	242	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	x	x	x		x	
562	243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
563	244	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x	x	
566	247	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x	x	
568	249	Đo áp lực ổ bụng gián tiếp qua ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x		x	
632	313	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x	x	
633	314	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	x	x	
634	315	Siêu âm DOPPLER mạch máu khối u gan	x	x			x	vượt tuyến
635	316	Siêu âm DOPPLER mạch máu hệ tĩnh mạch cửa hoặc mạch máu ổ bụng	x	x			x	vượt tuyến
636	317	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x		x	
641	322	Siêu âm can thiệp - Chọc dịch ổ bụng xét nghiệm	x	x			x	vượt tuyến
644	325	Siêu âm can thiệp - chọc hút mũ ổ áp xe gan	x	x	x			
645	326	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe gan	x	x			x	vượt tuyến
652	333	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục	x	x	x		x	
653	334	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng	x	x	x		x	
655	336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	x	x	x	x	x	
656	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	x	x	
657	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	x	x	x	x	x	
658	339	Thụt tháo phân	x	x	x	x	x	
659		E. CƠ XƯƠNG KHỚP						
669	349	Hút dịch khớp gối	x	x	x			
681	361	Hút nang bao hoạt dịch	x	x	x			
682	362	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x			x	vượt tuyến
683	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x	x	x		x	
684	364	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x			x	vượt tuyến
693	373	Siêu âm khớp (một vị trí)	x	x			x	vượt tuyến
694	374	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	x	x			x	vượt tuyến
751	431	Xét nghiệm Mucin test	x	x	x		x	
752	III	NHI KHOA						
753		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC						
754		A. TUẦN HOÀN						
783	29	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	x	x		x	
791	37	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục	x	x	x		x	
792	38	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	x	x	x		x	
795	41	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
798	44	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
800	46	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường	x	x	x		x	
802	48	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp	x	x	x		x	
803	49	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x		x	
805	51	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	x	x	
806		B. HÔ HẤP						
824	69	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu	x	x			x	vượt tuyến
830	75	Cai máy thở	x	x	x		x	
831	76	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.	x	x	x		x	
832	77	Đặt ống nội khí quản	x	x	x		x	
833	78	Mở khí quản	x	x	x		x	
836	81	Bơm rửa màng phổi	x	x	x		x	
837	82	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)	x	x	x		x	
838	83	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	x	x	x		x	
842	87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường	x	x	x		x	
843	88	Thăm dò chức năng hô hấp	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
844	89	Khí dung thuốc cấp cứu	x	x	x		x	
845	90	Khí dung thuốc thở máy	x	x	x		x	
846	91	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần	x	x	x		x	
848	93	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x		x	
849	94	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	x	x	x		x	
850	95	Mở khí quản một thì cấp cứu ngạt thở	x	x	x		x	
851	96	Mở khí quản qua da cấp cứu	x	x	x		x	
852	97	Mở khí quản ngược dòng cấp cứu	x	x	x		x	
853	98	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩ gấp	x	x	x		x	
855	100	Rút catheter khí quản	x	x	x		x	
856	101	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x		x	
857	102	Chăm sóc lỗ mở khí quản	x	x	x		x	
858	103	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	x	x	x		x	
859	104	Mở màng giáp nhĩ cấp cứu	x	x	x	x	x	
860	105	Thổi ngạt	x	x	x	x	x	
861	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x	x	
862	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	x	x	x	x	x	
863	108	Thở oxy gọng kính	x	x	x	x	x	
864	109	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi	x	x	x	x	x	
865	110	Thở oxy qua mặt nạ có túi	x	x	x	x	x	
866	111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	x	x	x	x	x	
867	112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x	x	
868	113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	x	x	x	x	x	
869		C. THẬN – LỘC MÁU						
881	125	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x		x	
882	126	Thận nhân tạo cấp cứu liên tục	x	x	x		x	
884	128	Bài niệu cường bức	x	x	x		x	
885	129	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x		x	
886	130	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x		x	
887	131	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x		x	
888	132	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x		x	
889	133	Thông tiểu	x	x	x	x	x	
890	134	Hồi sức chống sốc	x	x	x	x	x	
891		D. THẦN KINH						
894	137	Xử trí tăng áp lực nội sọ	x	x	x		x	
905	148	Chọc dịch tủy sống	x	x	x		x	
906	149	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)	x	x	x		x	
907	150	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường	x	x	x	x	x	
908	151	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu	x	x	x		x	
910		Đ. TIÊU HÓA						
922	164	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	x	x	x		x	
923	165	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x		x	
925	167	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x		x	
926	168	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x		x	
927	169	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x	x		x	
929	171	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x		x	
930	172	Cho ăn qua ống thông dạ dày	x	x	x		x	
931	173	Rửa dạ dày bằng ống Faucher và qua túi kín	x	x	x		x	
933	175	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày	x	x	x		x	
934	176	Nuôi dưỡng người bệnh qua catheter hồng tràng	x	x	x		x	
936	178	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x	x	
937	179	Thụt tháo phân	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyet	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
938	180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x	x	
939	181	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay	x	x	x	x	x	
940		E. TOÀN THÂN						
944	185	Nâng thân nhiệt chủ động	x	x	x			
945	186	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	x	x			x	vượt tuyển
946	187	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x		x	
947	188	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh; Siêu âm màu tại giường	x	x	x		x	
948	189	Chụp X quang cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
949	190	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm khí máu	x	x	x		x	
950	191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	x	x	x		x	
951	192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	x	x	x		x	
952	193	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x		x	
953	194	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x	x	
954	195	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x	x	
955	196	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x	x	
956	197	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x	x	
957	198	Vệ sinh răng miệng đặc biệt	x	x	x	x	x	
958	199	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x	x	
959	200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x	x	
960	201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x	x	
961	202	Băng bó vết thương	x	x	x	x	x	
962	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)	x	x	x	x	x	
963	204	Vận chuyển người bệnh an toàn	x	x	x	x	x	
964	205	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x	x	x	
965	206	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	x	x	
966	207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê	x	x	x	x	x	
967	208	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	x	x	
968	209	Truyền dịch vào tủy xương	x	x	x		x	
969	210	Tiêm truyền thuốc	x	x	x	x	x	
970		G. XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT NHANH						
973	213	Làm test nhanh chẩn đoán ngộ độc cấp	x	x	x		x	
974	214	Định tính chất độc trong nước tiểu bằng test nhanh	x	x	x		x	
975	215	Đo các chất khí trong máu	x	x	x		x	
976	216	Đo lactat trong máu	x	x	x		x	
977	217	Định tính chất độc trong máu bằng test nhanh	x	x	x		x	
978	218	Phát hiện chất độc bằng sắc ký khí	x	x	x		x	
979	219	Phát hiện opiat bằng Naloxone	x	x	x		x	
980	220	Phát hiện benzodiazepin bằng Anexate	x	x	x		x	
981	221	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x		x	
982	222	Định lượng nhanh NT-ProBNP trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x		x	
983	223	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x		x	
984	224	Định lượng nhanh Myoglobin trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x		x	
985	225	Định lượng nhanh CK-MB trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x		x	
986	226	Xác định nhanh INR/PT/ Quick tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x		x	
987		II. TÂM THẦN						

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)		(2)	(3)				
			A	B	C	D		
1006	245	Điều trị hỗ trợ cắt cơn cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các bài thuốc y học dân tộc	x	x	x		x	
1018	257	Xử trí người bệnh kích động	x	x	x		x	
1021	260	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x	x		x	
1022	261	Liệu pháp tâm lý nhóm	x	x	x		x	
1023	262	Liệu pháp tâm lý gia đình	x	x	x		x	
1024	263	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	x	x	x		x	
1025	264	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình	x	x	x		x	
1026	265	Điều trị hỗ trợ cắt cơn cai các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần	x	x	x		x	
1027	266	Liệu pháp giải thích hợp lý	x	x	x		x	
1028	267	Liệu pháp lao động	x	x	x	x	x	
1029	268	Cấp cứu người bệnh tự sát	x	x	x	x	x	
1030	269	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	x	x	
1031	270	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	x	x	x	x	x	
1032		III. Y HỌC CỔ TRUYỀN						
1033		A. KỸ THUẬT CHUNG						
1035	272	Laser châm	x	x			x	vượt tuyến
1037	274	Kéo nắn cột sống cổ	x	x			x	vượt tuyến
1038	275	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x			x	vượt tuyến
1039	276	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	x	x	x		x	
1040	277	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT	x	x	x		x	
1041	278	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT	x	x	x		x	
1042	279	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT	x	x	x		x	
1043	280	Xông thuốc bằng máy	x	x	x		x	
1044	281	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	x	x	x		x	
1045	282	Xông hơi thuốc	x	x	x	x	x	
1046	283	Xông khói thuốc	x	x	x	x	x	
1047	284	Sắc thuốc thang	x	x	x	x	x	
1048	285	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	x	x	x	x	x	
1049	286	Đặt thuốc YHCT	x	x	x	x	x	
1050	287	Bỏ thuốc	x	x	x	x	x	
1051	288	Chườm ngải	x	x	x	x	x	
1052	289	Hào châm	x	x	x	x	x	
1053	290	Nhĩ châm	x	x	x	x	x	
1054	291	Ôn châm	x	x	x	x	x	
1055	292	Chích lê	x	x	x	x	x	
1056	293	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x	x	
1057		B. ĐIỆN MÃNG CHÂM						
1115		C. ĐIỆN NHĨ CHÂM						
1169		D. CÂY CHỈ						
1227		Đ. ĐIỆN CHÂM						
1228	461	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	x	x	x	x	x	
1229	462	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x	x	
1230	463	Điện châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x	x	
1231	464	Điện châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	x	x	
1232	465	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x	x	
1233	466	Điện châm điều trị teo cơ	x	x	x	x	x	
1234	467	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	x	x	
1236	469	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	x	x	
1237	470	Điện châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	x	x	
1238	471	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x	x	
1239	472	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyet	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
1240	473	Điện châm điều trị khản tiếng	x	x	x	x	x	
1242	475	Điện châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	x	x	x	x	x	
1243	476	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x	x	
1244	477	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	x	x	x	x	x	
1245	478	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x	x	
1246	479	Điện châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x	x	
1247	480	Điện châm điều trị stress	x	x	x	x	x	
1248	481	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x	x	
1249	482	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x	x	
1250	483	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x	x	
1251	484	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	x	x	
1252	485	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	x	x	
1253	486	Điện châm điều trị sụp mí	x	x	x	x	x	
1254	487	Điện châm điều trị bệnh hồ mắt	x	x	x	x	x	
1255	488	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	x	x	
1256	489	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x	x	
1257	490	Điện châm điều trị lác	x	x	x	x	x	
1258	491	Điện châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	x	x	
1259	492	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x	x	
1260	493	Điện châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	x	x	
1261	494	Điện châm điều trị thất ngôn	x	x	x	x	x	
1262	495	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x	x	
1263	496	Điện châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	x	x	x	x	x	
1264	497	Điện châm điều trị nôn nấc	x	x	x	x	x	
1265	498	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	x	x	
1266	499	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	x	x	x	x	x	
1268	501	Điện châm điều trị rối loạn tri đại, tiểu tiện	x	x	x	x	x	
1269	502	Điện châm điều trị táo bón	x	x	x	x	x	
1270	503	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x	x	
1271	504	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x	x	
1272	505	Điện châm điều trị đái dầm	x	x	x	x	x	
1273	506	Điện châm điều trị bí đái	x	x	x	x	x	
1274	507	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x	x	
1275	508	Điện châm điều trị cảm cúm	x	x	x	x	x	
1276	509	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	x	x	x	x	x	
1277	510	Điện châm điều trị béo phì	x	x	x	x	x	
1278	511	Điện châm điều trị buồn cổ đơn thuần	x	x	x	x	x	
1279	512	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x	x	
1280	513	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x	x	
1281	514	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x	x	
1282	515	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x	x	
1283	516	Điện châm điều trị đau răng	x	x	x	x	x	
1284	517	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	x	x	
1285	518	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x	x	
1286	519	Điện châm điều trị hen phế quản	x	x	x	x	x	
1287	520	Điện châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x	x	
1288	521	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x	x	
1289	522	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	x	x	
1290	523	Điện châm điều trị đau ngực sườn	x	x	x	x	x	
1291	524	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)		(2)	(3)				
			A	B	C	D		
1292	525	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x	x	
1293	526	Điện châm điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x	x	
1294	527	Điện châm điều trị đau lưng	x	x	x	x	x	
1295	528	Điện châm điều trị đau môi cơ	x	x	x	x	x	
1296	529	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x	x	
1297	530	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x	x	
1298	531	Điện châm điều trị chứng tic	x	x	x	x	x	
1299		E. THUY CHÂM						
1300	532	Thủy châm điều trị liệt	x	x	x	x	x	
1301	533	Thủy châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x	x	
1302	534	Thủy châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x	x	
1303	535	Thủy châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	x	x	
1306	538	Thủy châm điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	x	x	
1368	600	Thủy châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x	x	
1371		G. XOA BÓP BẨM HUYẾT						
1372	603	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt	x	x	x	x	x	
1373	604	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên	x	x	x	x	x	
1374	605	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x	x	
1375	606	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người	x	x	x	x	x	
1376	607	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	x	x	
1377	608	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x	x	
1379	610	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x	x	
1380	611	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x	x	
1381	612	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng ngất	x	x	x	x	x	
1385	616	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x	x	
1386	617	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt các dây thần kinh	x	x	x	x	x	
1387	618	Xoa bóp bấm huyết điều trị teo cơ	x	x	x	x	x	
1393	624	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x	x	
1395	626	Xoa bóp bấm huyết điều trị stress	x	x	x	x	x	
1397	628	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x	x	
1398	629	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x	x	
1399	630	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x	x	
1400	631	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mí	x	x	x	x	x	
1404	635	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x	x	
1411	642	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x	x	
1412	643	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	x	x	
1414	645	Xoa bóp bấm huyết điều trị nôn, nấc	x	x	x	x	x	
1415	646	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x	x	
1416	647	Xoa bóp bấm huyết điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x	x	
1417	648	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng	x	x	x	x	x	
1418	649	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau môi cơ	x	x	x	x	x	
1420	651	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x	x	
1422	653	Xoa bóp bấm huyết điều trị nôn, nấc	x	x	x	x	x	
1423	654	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x	x	
1424	655	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm cơ cứng cơ delta	x	x	x	x	x	
1428	659	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x	x	
1430	661	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x	x	
1433	664	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x	x	
1439	670	Xoa bóp bấm huyết điều trị hysteria	x	x	x	x	x	
1440		H. CỨU						

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
1467		IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG						
1468		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG						
1539	767	Thủy trị liệu	x	x	x		x	
1540	768	Thủy trị liệu có thuốc	x	x	x		x	
1541	769	Hoạt động trị liệu	x	x	x		x	
1542	770	Ngôn ngữ trị liệu	x	x	x		x	
1543	771	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x		x	
1544	772	Điều trị bằng điện phân thuốc	x	x	x		x	
1545	773	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x		x	
1546	774	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x		x	
1548	776	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	x	x	x		x	
1550	778	Dẫn lưu tư thế	x	x	x		x	
1551	779	Kỹ thuật di động khớp – trượt khớp	x	x	x		x	
1552	780	Kỹ thuật kéo giãn	x	x	x		x	
1553	781	Đánh giá nguy cơ loét chân ở người bệnh đái tháo đường	x	x	x		x	
1554	782	Thông tiêu ngắt quãng trong PHCN tổn thương tủy sống	x	x	x		x	
1557	785	Vật lý trị liệu cho người bệnh đái tháo đường	x	x	x		x	
1559	787	Vật lý trị liệu cho viêm khớp thái dương – hàm	x	x	x		x	
1560	788	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị viêm não.	x	x	x		x	
1561	789	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cổ	x	x	x		x	
1562	790	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị dị tật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	x	x		x	
1563	791	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cột sống	x	x	x		x	
1564	792	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể nhẹ	x	x	x		x	
1565	793	Khám-đánh giá người bệnh PHCN xây dựng mục tiêu và phương pháp PHCN	x	x	x		x	
1566	794	Tư vấn tâm lý cho người bệnh PHCN	x	x	x		x	
1567	795	Vật lý trị liệu -PHCN cho trẻ bị chậm phát triển trí tuệ	x	x	x		x	
1568	796	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp	x	x	x		x	
1569	797	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể co cứng	x	x	x		x	
1570	798	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não múa vờn	x	x	x		x	
1571	799	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng	x	x	x		x	
1575	803	Vật lý trị liệu hô hấp tại khoa PHCN	x	x	x		x	
1578	806	Tập dưỡng sinh	x	x	x	x	x	
1579	807	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)	x	x	x	x	x	
1580	808	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)	x	x	x	x	x	
1581	809	Chườm lạnh	x	x	x	x	x	
1583	811	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x	x	
1584	812	Vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x	x	
1585	813	Xoa bóp	x	x	x	x	x	
1586	814	Tập ho	x	x	x	x	x	
1587	815	Tập thở	x	x	x	x	x	
1588	816	Hướng dẫn người bệnh ra vào xe lăn tay	x	x	x	x	x	
1589	817	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi	x	x	x	x	x	
1590	818	Sử dụng xe lăn	x	x	x	x	x	
1591	819	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm	x	x	x	x	x	
1592	820	Tập vận động chủ động	x	x	x	x	x	
1593	821	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x	x	
1594	822	Tập vận động thụ động	x	x	x	x	x	
1595	823	Đo tâm vận động khớp	x	x	x	x	x	
1596	824	Đắp nóng	x	x	x	x	x	
1597	825	Thử cơ bằng tay	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
1600	828	Vật lý trị liệu phòng ngừa các biến chứng do bất động	x	x	x	x	x	
1602	830	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt	x	x	x	x	x	
1603	831	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh quay	x	x	x	x	x	
1604	832	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh giữa	x	x	x	x	x	
1605	833	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trụ	x	x	x	x	x	
1606	834	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang tay giả	x	x	x	x	x	
1607	835	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước khớp gối	x	x	x	x	x	
1608	836	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối	x	x	x	x	x	
1609	837	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối	x	x	x	x	x	
1610	838	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai	x	x	x	x	x	
1611	839	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai	x	x	x	x	x	
1612	840	Vật lý trị liệu -PHCN gãy xương đòn	x	x	x	x	x	
1613	841	Vật lý trị liệu trong viêm cột sống dính khớp	x	x	x	x	x	
1614	842	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi dưới	x	x	x	x	x	
1615	843	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi trên	x	x	x	x	x	
1616	844	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật ổ bụng	x	x	x	x	x	
1617	845	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật lồng ngực	x	x	x	x	x	
1618	846	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não	x	x	x	x	x	
1619	847	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong	x	x	x	x	x	
1620	848	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh gãy thân xương đùi	x	x	x	x	x	
1621	849	Vật lý trị liệu -PHCN gãy cổ xương đùi	x	x	x	x	x	
1622	850	Vật lý trị liệu -PHCN gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	x	x	
1623	851	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xương cẳng tay	x	x	x	x	x	
1624	852	Vật lý trị liệu -PHCN gãy đầu dưới xương quay	x	x	x	x	x	
1625	853	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xương cẳng chân	x	x	x	x	x	
1626	854	Vật lý trị liệu -PHCN trong tổn thương thần kinh chày	x	x	x	x	x	
1627	855	Vật lý trị liệu -PHCN tổn thương tuỷ sống	x	x	x	x	x	
1628	856	Vật lý trị liệu -PHCN trong gãy đầu dưới xương đùi	x	x	x	x	x	
1629	857	Vật lý trị liệu -PHCN sau chấn thương xương chậu	x	x	x	x	x	
1630	858	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả trên gối	x	x	x	x	x	
1631	859	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả dưới gối	x	x	x	x	x	
1632	860	Vật lý trị liệu cho người bệnh áp xe phổi	x	x	x	x	x	
1633	861	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép	x	x	x	x	x	
1634	862	Phục hồi chức năng cho người bệnh động kinh	x	x	x	x	x	
1635	863	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh chấn thương sọ não	x	x	x	x	x	
1636	864	Vật lý trị liệu người bệnh lao phổi	x	x	x	x	x	
1637	865	Vật lý trị liệu -PHCN trong vẹo cổ cấp	x	x	x	x	x	
1638	866	Vật lý trị liệu trong suy tim	x	x	x	x	x	
1639	867	Vật lý trị liệu trong bệnh tắc nghẽn phổi mãn tính	x	x	x	x	x	
1640	868	Vật lý trị liệu cho người bệnh tràn dịch màng phổi	x	x	x	x	x	
1641	869	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật van tim	x	x	x	x	x	
1642	870	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh teo cơ tiến triển	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
1643	871	Tập vận động PHCN cho người bệnh đái tháo đường phòng ngừa biến chứng	x	x	x	x	x	
1644	872	Vật lý trị liệu trong viêm tắc động mạch chi dưới	x	x	x	x	x	
1645	873	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh bỏng	x	x	x	x	x	
1646	874	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh vảy da	x	x	x	x	x	
1647	875	Vật lý trị liệu-PHCN trong giãn tĩnh mạch	x	x	x	x	x	
1648	876	Phục hồi chức năng thoái hoá khớp (cột sống cổ - lưng)	x	x	x	x	x	
1649	877	Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x	x	
1650	878	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lưng	x	x	x	x	x	
1651	879	Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng cho người bệnh hội chứng đuôi ngựa	x	x	x	x	x	
1652	880	Vật lý trị liệu- PHCN cho người bệnh đau thần kinh tọa	x	x	x	x	x	
1653	881	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên	x	x	x	x	x	
1654	882	Vật lý trị liệu-PHCN cho người cao tuổi	x	x	x	x	x	
1655	883	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh Parkinson	x	x	x	x	x	
1656	884	Xoa bóp bấm huyệt/kéo nắn cột sống, các khớp	x	x	x	x	x	
1657	885	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	x	x	x	x	x	
1658	886	Xoa bóp lưng, chân	x	x	x	x	x	
1659	887	Xoa bóp	x	x	x	x	x	
1660	888	Xoa bóp tại giường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa	x	x	x	x	x	
1661	889	Tập do cứng khớp	x	x	x	x	x	
1662	890	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người, liệt các chi, tổn thương hệ vận động	x	x	x	x	x	
1663	891	Tập do liệt thần kinh trung ương	x	x	x	x	x	
1664	892	Tập vận động đoạn chi 30 phút	x	x	x	x	x	
1665	893	Tập vận động đoạn chi 15 phút	x	x	x	x	x	
1666	894	Tập vận động toàn thân 30 phút	x	x	x	x	x	
1667	895	Tập vận động toàn thân 15 phút	x	x	x	x	x	
1668	896	Tập vận động cột sống	x	x	x	x	x	
1672	900	Tập vận động tại giường	x	x	x	x	x	
1673	901	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi	x	x	x	x	x	
1674	902	Tập với hệ thống ròng rọc	x	x	x	x	x	
1675	903	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x	x	
1676	904	Tập với xe lăn	x	x	x	x	x	
1677	905	Vật lý trị liệu chỉnh hình	x	x	x	x	x	
1678	906	Vật lý trị liệu hô hấp tại giường bệnh	x	x	x	x	x	
1681		B. LÀM VÀ SỬ DỤNG CÁC DỤNG CỤ TRỢ GIÚP						
1730	957	Dàn treo các chi	x	x			x	vượt tuyến
1732	959	Vòng tập khớp vai	x	x			x	vượt tuyến
1742	969	Thang tường	x	x			x	vượt tuyến
1743	970	Thanh song song	x	x			x	vượt tuyến
1744	971	Các dụng cụ giúp thở	x	x			x	vượt tuyến
1750	977	Khung tập đi	x	x	x		x	
1751	978	Dụng cụ tập sắp ngửa cổ tay	x	x	x		x	
1752	979	Dụng cụ tập cổ chân	x	x	x		x	
1753	980	Dụng cụ tập khớp cổ tay	x	x	x		x	
1754	981	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi	x	x	x		x	
1755	982	Xe đạp	x	x	x		x	
1756	983	Nạng nách	x	x	x	x	x	
1757	984	Nạng khuỷu	x	x	x	x	x	
1758	985	Gậy tập	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
1759	986	Nẹp khớp gối	x	x	x	x	x	
1760	987	Máng đỡ bàn tay	x	x	x	x	x	
1761	988	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay	x	x	x	x	x	
1762		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP						
1763		A. SỌ NÃO						
1766		B. TAI - MŨI - HỌNG						
1780		C. THANH- PHẾ QUẢN						
1800		D. LÒNG NGỰC- PHỔI						
1809		Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG						
1853		E. TIẾT NIỆU						
1868		G. KHỚP						
1871		VI. Y HỌC HẠT NHÂN						
2028		VII. GÂY Mê HỒI SỨC						
2153	1370	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch	x	x			x	
2155	1372	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	x	x	x		x	
2156	1373	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol	x	x	x		x	
2157	1374	Kỹ thuật đặt Mask thanh quản	x	x	x		x	
2158	1375	Kỹ thuật đặt combitube	x	x	x		x	
2159	1376	Kỹ thuật đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	x	x	x		x	
2160	1377	Kỹ thuật đặt nội khí quản khi dạ dày đầy	x	x	x		x	
2162	1379	Kỹ thuật đặt nội khí quản qua mũi	x	x	x		x	
2163	1380	Kỹ thuật thường quy đặt nội khí quản khó	x	x	x		x	
2164	1381	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó với ống soi mềm	x	x			x	
2165	1382	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó với đèn Mac Coy (đèn có mũi điều khiển), mask thanh quản	x	x	x		x	
2166	1383	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó ngược dòng	x	x	x		x	
2167	1384	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	x	x	x		x	
2168	1385	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda	x	x	x		x	
2169	1386	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	x	x	x		x	
2170	1387	Kỹ thuật gây mê bằng ống Magill	x	x	x		x	
2171	1388	Kỹ thuật thông khí qua màng giáp nhân	x	x	x		x	
2172	1389	Kỹ thuật nâng thân nhiệt chỉ huy	x	x	x		x	
2173	1390	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu	x	x	x		x	
2174	1391	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê	x	x	x		x	
2175	1392	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	x	x	x		x	
2176	1393	Kỹ thuật theo dõi người bệnh trong và sau mổ	x	x	x		x	
2177	1394	Kỹ thuật xử lý thường quy các tai biến trong và sau vô cảm	x	x	x		x	
2178	1395	Kỹ thuật vô cảm ngoài phòng mổ	x	x	x		x	
2179	1396	Kỹ thuật vô cảm nắn xương	x	x	x		x	
2181	1398	Kỹ thuật theo dõi giãn cơ bằng máy	x	x	x		x	
2182	1399	Kỹ thuật theo dõi SpO ₂	x	x	x		x	
2183	1400	Kỹ thuật theo dõi et CO ₂	x	x	x		x	
2184	1401	Kỹ thuật theo dõi HAĐM bằng phương pháp xâm lấn	x	x	x		x	
2185	1402	Kỹ thuật theo dõi HAĐM không xâm lấn bằng máy	x	x	x		x	
2186	1403	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy	x	x	x		x	
2187	1404	Thử nhóm máu trước truyền máu	x	x	x		x	
2188	1405	Truyền dịch thường quy	x	x	x		x	
2189	1406	Truyền máu thường quy	x	x	x		x	
2190	1407	Kỹ thuật chọc đặt kim luồn tĩnh mạch ngoại biên trẻ em	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
2191	1408	Kỹ thuật lấy lại máu trong mô bằng phương pháp thủ công	x	x	x		x	
2192	1409	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc	x	x	x		x	
2193	1410	Kỹ thuật truyền máu trong sốc	x	x	x		x	
2194	1411	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x		x	
2195	1412	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim	x	x	x		x	
2196	1413	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở	x	x	x		x	
2197	1414	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh trong	x	x	x		x	
2198	1415	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	x	x	x		x	
2199	1416	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch đùi	x	x	x		x	
2200	1417	Kỹ thuật chọc tuỷ sống đường giữa	x	x	x		x	
2201	1418	Kỹ thuật chọc tuỷ sống đường bên	x	x	x		x	
2202	1419	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng (NMC) thắt lưng đường giữa	x	x	x		x	
2203	1420	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang NMC thắt lưng đường bên	x	x	x		x	
2204	1421	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn	x	x	x		x	
2205	1422	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	x	x	x		x	
2206	1423	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách	x	x	x		x	
2207	1424	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông	x	x	x		x	
2208	1425	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ sâu	x	x	x		x	
2209	1426	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	x	x	x		x	
2210	1427	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	x	x	x		x	
2211	1428	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to	x	x	x		x	
2212	1429	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1	x	x	x		x	
2213	1430	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	x	x	x		x	
2214	1431	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	x	x	x		x	
2215	1432	GMHS phẫu thuật động mạch, tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x		x	
2216	1433	GMHS phẫu thuật rách cơ hoành qua đường bụng	x	x	x		x	
2217	1434	GMHS phẫu thuật thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	x	x	x		x	
2218	1435	GMHS phẫu thuật viêm ruột thừa, viêm phúc mạc, áp xe ruột thừa	x	x	x		x	
2219	1436	Vô cảm phẫu thuật thoát vị bẹn	x	x	x		x	
2220	1437	GMHS phẫu thuật vùng đáy chậu, hậu môn, bẹn, bìu	x	x	x		x	
2221	1438	GMHS phẫu thuật chi trên	x	x	x		x	
2222	1439	GMHS phẫu thuật chi dưới	x	x	x		x	
2223	1440	GMHS phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn	x	x	x		x	
2224	1441	GMHS người bệnh chấn thương không sốc, sốc nhẹ	x	x	x		x	
2226	1443	Gây mê để thay băng người bệnh bỏng	x	x	x		x	
2227	1444	Gây mê, gây tê cắt amidan ở trẻ em	x	x	x		x	
2228	1445	GMHS phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	x	x	x		x	
2229	1446	GMHS phẫu thuật thoát vị bẹn, nước màng tinh hoàn ở trẻ em	x	x	x		x	
2230	1447	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em: chích áp xe, lấy máu tụ, dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	x	x	x		x	
2231	1448	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x		x	
2232	1449	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm Morphin cách quãng dưới da	x	x	x		x	
2233	1450	Vệ sinh, vô trùng phòng phẫu thuật	x	x	x		x	
2234	1451	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
2235	1452	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
2236	1453	Chụp X-quang cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
2237	1454	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
2238	1455	Theo dõi HA liên tục tại giường	x	x	x		x	
2239	1456	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	x	x	x		x	
2241	1458	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x		x	
2242	1459	Chăm sóc catheter động mạch	x	x	x		x	
2243	1460	Thở máy xâm nhập, không xâm nhập với các phương thức khác nhau	x	x	x		x	
2244	1461	Mở khí quản trên người bệnh có hay không có ống nội khí quản	x	x	x		x	
2245	1462	Thở oxy gọng kính	x	x	x		x	
2246	1463	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x		x	
2247	1464	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x		x	
2248	1465	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng	x	x	x		x	
2249	1466	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày	x	x	x		x	
2250	1467	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	x	x	x		x	
2251	1468	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x		x	
2252	1469	Điều trị rối loạn đông máu trong ngoại khoa	x	x	x		x	
2253	1470	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)	x	x	x		x	
2254		VIII. BÔNG						
2255		A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BÔNG						
2294	1509	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bông nông theo chỉ định	x	x	x		x	
2295	1510	Thay băng điều trị bông nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.	x	x	x		x	
2296	1511	Ghép da dị loại (da ếch, trung bì da lợn...).	x	x	x		x	
2297	1512	Rạch hoại tử bông sâu giải phòng chèn ép trong	x	x	x		x	
2298	1513	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bông sâu do dòng điện	x	x	x		x	
2299	1514	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi	x	x	x		x	
2300	1515	Ngâm rửa vết bông bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông kỳ đầu.	x	x	x	x	x	
2301		B. CÁC KỸ THUẬT TRONG ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH						
2307		IX. MẮT						
2370	1583	Lấy dị vật tiền phòng	x	x			x	vượt tuyển
2441	1654	Tập nhược thị	x	x	x		x	
2442	1655	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	x	x	x		x	
2445	1658	Lấy dị vật giác mạc	x	x	x		x	
2446	1659	Cắt bỏ chấp có bọc	x	x	x		x	
2448	1661	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x	x		x	
2450	1663	Khâu da mi	x	x	x		x	
2451	1664	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x		x	
2452	1665	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x		x	
2468	1681	Cắt chỉ khâu giác mạc	x	x	x		x	
2472	1685	Bơm thông lệ đạo	x	x	x		x	
2473	1686	Lấy máu làm huyết thanh	x	x	x		x	
2475	1688	Khâu kết mạc	x	x	x		x	
2476	1689	Lấy calci đông dưới kết mạc	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)		(2)	(3)				
			A	B	C	D		
2477	1690	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x	x		x	
2478	1691	Đốt lông xiêu	x	x	x		x	
2479	1692	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x		x	
2480	1693	Chích chấp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x		x	
2481	1694	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x		x	
2482	1695	Rửa cùng đồ	x	x	x		x	
2485	1698	Rạch áp xe mi	x	x	x		x	
2486	1699	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x		x	
2489	1702	Soi góc tiền phòng	x	x	x		x	
2490	1703	Cắt chỉ khâu da	x	x	x	x	x	
2491	1704	Cấp cứu bong mắt ban đầu	x	x	x	x	x	
2492	1705	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	x	x	x	x	x	
2493	1706	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x	x	
2494	1707	Khám mắt	x	x	x	x	x	
2495		X. RĂNG HÀM MẬT						
2496		A. RĂNG						
2703	1914	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x		x	
2704	1915	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x		x	
2705	1916	Nhổ răng thừa	x	x	x		x	
2706	1917	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x		x	
2707	1918	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x		x	
2708	1919	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x		x	
2709	1920	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x		x	
2710	1921	Nhổ răng thừa	x	x	x		x	
2711	1922	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x		x	
2712	1923	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc	x	x	x		x	
2713	1924	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x		x	
2714	1925	Liên kết cố định răng lung lay bằng Composite	x	x	x		x	
2715	1926	Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x		x	
2716	1927	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x		x	
2717	1928	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x		x	
2718	1929	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x		x	
2719	1930	Phục hồi cố răng bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x		x	
2720	1931	Phục hồi cố răng bằng Composite	x	x	x		x	
2721	1932	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà	x	x	x		x	
2722	1933	Chụp tuỷ bằng Hydroxit canxi {Ca(OH)2 }	x	x	x		x	
2723	1934	Máng hở mặt nhai	x	x	x		x	
2724	1935	Mài chỉnh khớp cắn	x	x	x		x	
2725	1936	Tháo chụp răng giả	x	x	x		x	
2726	1937	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) hoá trùng hợp	x	x	x		x	
2727	1938	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) quang trùng hợp	x	x	x		x	
2728	1939	Trám bít hố rãnh với Composite hoá trùng hợp	x	x	x		x	
2729	1940	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x		x	
2730	1941	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x		x	
2731	1942	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục	x	x	x		x	
2732	1943	Lấy tuỷ buồng răng sữa	x	x	x		x	
2733	1944	Điều trị tuỷ răng sữa	x	x	x		x	
2734	1945	Điều trị đóng cuống răng bằng Ca(OH)2	x	x	x		x	
2735	1946	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
2736	1947	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	x	x	x		x	
2737	1948	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	x	x	x		x	
2738	1949	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x		x	
2739	1950	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x	x	
2740	1951	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x	x	
2741	1952	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite	x	x	x	x	x	
2742	1953	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x	x	
2743	1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x	x	
2744	1955	Nhổ răng sữa	x	x	x	x	x	
2745	1956	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x	x	
2746	1957	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	x	x	x	x	x	
2747	1958	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x	x	
2748	1959	Điều trị viêm lợi trẻ em	x	x	x	x	x	
2749	1960	Chích áp xe lợi	x	x	x	x	x	
2750	1961	Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x	x	x	
2751	1962	Máng chống nghiêng răng	x	x	x	x	x	
2752	1963	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x	x	
2753	1964	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x	x	
2754	1965	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x	x	
2755	1966	Đệm hàm giả nhựa thường	x	x	x	x	x	
2756	1967	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x	x	
2757	1968	Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa thường	x	x	x	x	x	
2758	1969	Hàm giả tháo lắp toàn bộ nhựa thường	x	x	x	x	x	
2759	1970	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate	x	x	x	x	x	
2760	1971	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x	x	
2761	1972	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x	x	
2762	1973	Chụp nhựa	x	x	x	x	x	
2763	1974	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)	x	x	x	x	x	
2764		B. HÀM MẶT						
2845	2055	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	x	x			x	vượt tuyến
2858	2068	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x		x	
2859	2069	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x		x	
2860	2070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x		x	
2862	2072	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x		x	
2863	2073	Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	x	x	x		x	
2864	2074	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x		x	
2865	2075	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x	x		x	
2866	2076	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x		x	
2867	2077	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x	x	
2868		XI. TAI MŨI HỌNG						
2869		A. TAI						
2906	2114	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	x	x	x		x	
2907	2115	Khâu vành tai rách sau chấn thương	x	x	x		x	
2908	2116	Thông vòi nhĩ	x	x	x		x	
2909	2117	Lấy dị vật tai	x	x	x		x	
2910	2118	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	x	x	x		x	
2911	2119	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x		x	
2912	2120	Làm thuốc tai	x	x	x		x	
2913	2121	Chích rạch màng nhĩ	x	x			x	vượt tuyến

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)		(2)	(3)				
			A	B	C	D		
2917	2125	Lấy dây tai (nút biểu bì)	x	x	x	x	x	
2919		B. MŨI XOANG						
2938	2145	Phẫu thuật vách ngăn mũi	x	x	x		x	
2941	2148	Nắn sống mũi sau chấn thương	x	x	x		x	
2942	2149	Nhét bắc mũi sau	x	x	x		x	
2943	2150	Nhét bắc mũi trước	x	x	x		x	
2944	2151	Đốt cuốn mũi	x	x	x		x	
2945	2152	Bẻ cuốn dưới	x	x	x		x	
2946	2153	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x		x	
2947	2154	Làm Proetz	x	x	x		x	
2948	2155	Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)	x	x	x	x	x	
2949		C. HỌNG – THANH QUẢN						
2968	2174	Phẫu thuật cắt phanh môi, má, lưỡi	x	x	x		x	
2969	2175	Chích áp xe thành sau họng	x	x	x		x	
2972	2178	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x		x	
2973	2179	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	x	x	x		x	
2975	2181	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x		x	
2976	2182	Đốt nhiệt họng hạt	x	x	x		x	
2977	2183	Đốt lạnh họng hạt	x	x	x		x	
2978	2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	x	x	x		x	
2979	2185	Bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản	x	x	x		x	
2980	2186	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x		x	
2981	2187	Rửa vòm họng	x	x	x		x	
2982	2188	Đặt nội khí quản khó: Co thắt khí quản, đe dọa ngạt thở	x	x	x		x	
2983	2189	Sơ cứu bông kỳ đầu đường hô hấp	x	x	x		x	
2984	2190	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x	x	
2985	2191	Khí dung mũi họng	x	x	x	x	x	
2986		D. CỔ - MẮT						
3039	2244	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe góc trong ổ mắt	x	x	x		x	
3040	2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	x	x	x		x	
3041		XII. PHỤ KHOA-SƠ SINH						
3045	2249	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	x	x			x	vượt tuyển
3054	2258	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x		x	
3055	2259	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	x	x	x		x	
3056	2260	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x		x	
3057	2261	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	x	x	x		x	
3058	2262	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x		x	
3059	2263	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x		x	
3060	2264	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn	x	x	x		x	
3061		XIII. NỘI KHOA						
3062		A. THẦN KINH						
3064		B. TIM MẠCH – HÔ HẤP						
3120	2321	Sốc điện điều trị rung nhĩ	x	x			x	vượt tuyển
3128	2329	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x		x	
3129	2330	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế điều trị giãn phế quản, áp xe phổi	x	x	x		x	
3130	2331	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x		x	
3131	2332	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x		x	
3132	2333	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x		x	
3133		C. TIÊU HÓA						
3152	2352	Chọc áp xe gan qua siêu âm	x	x	x		x	
3153	2353	Tiêm xơ điều trị trĩ	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
3154	2354	Chọc dịch màng bụng	x	x	x		x	
3155	2355	Dẫn lưu dịch màng bụng	x	x	x		x	
3156	2356	Chọc hút áp xe thành bụng	x	x	x		x	
3157	2357	Thụt tháo phân	x	x	x	x	x	
3158	2358	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x	x	
3159	2359	Nong hậu môn	x	x	x		x	
3160		D. THẬN- TIẾT NIỆU – LỘC MÁU						
3165	2364	Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	x	x			x	vượt tuyển
3168		Đ. CƠ – XƯƠNG – KHỚP						
3176	2374	Điều trị chứng loạn trương lực cơ toàn thể hoặc cục bộ (ví dụ vùng cổ gáy) bằng tiêm Dysport (Botulium)	x	x	x		x	
3177	2375	Điều trị chứng co thắt nửa mặt bằng tiêm Dysport	x	x	x		x	
3178	2376	Điều trị chứng tăng trương lực cơ di chứng sau tai biến mạch máu não bằng tiêm Dysport	x	x	x		x	
3179	2377	Điều trị chứng tăng trương lực cơ di chứng do bại não bằng tiêm Dysport	x	x	x		x	
3180	2378	Điều trị chứng giật mí mắt bằng tiêm Dysport (Botulium)	x	x	x		x	
3181		E. DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH LÂM SÀNG						
3185	2382	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc	x	x	x	x	x	
3186	2383	Test nội bì	x	x	x	x	x	
3187	2384	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	x	x	x	x	x	
3188		G. TRUYỀN NHIỄM						
3190	2386	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng	x	x	x		x	
3191		H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC						
3192	2387	Tiêm trong da	x	x	x	x	x	
3193	2388	Tiêm dưới da	x	x	x	x	x	
3194	2389	Tiêm bắp thịt	x	x	x	x	x	
3195	2390	Tiêm tĩnh mạch	x	x	x	x	x	
3196	2391	Truyền tĩnh mạch	x	x	x	x	x	
3197		XIV. LAO (ngoại lao)						
3246		XV. UNG BƯỚU- NHI						
3247		A. ĐẦU CỎ						
3250	2442	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính trên 10 cm	x	x	x		x	
3264	2456	Cắt u da đầu lạnh, đường kính dưới 5 cm	x	x	x		x	
3265	2457	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	x	x	x		x	
3266	2458	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm	x	x	x		x	
3267		B. THẦN KINH SỌ NÃO, CỘT SỐNG						
3300		C. HÀM – MẶT						
3345	2535	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	x	x	x		x	
3346	2536	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x	x		x	
3349		D. MẮT						
3366		Đ. TAI – MŨI – HỌNG						
3427		E. LÒNG NGỰC – TIM MẠCH – PHỔI						
3458		G. TIÊU HÓA – BỤNG						
3490		H. GAN – MẬT – TỤY						
3515		I. TIẾT NIỆU – SINH DỤC						
3537		K. PHỤ KHOA						
3546	2729	Cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x		x	
3547	2730	Cắt u nang buồng trứng	x	x	x		x	
3548	2731	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
3549	2732	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x		x	
3550	2733	Cắt u thành âm đạo	x	x	x		x	
3551	2734	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x		x	
3552	2735	Cắt u vú lành tính	x	x	x		x	
3553	2736	Mô bóc nhân xơ vú	x	x	x		x	
3554		L. PHẦN MỀM – XƯƠNG KHỚP						
3583	2765	Cắt u bạch mạch đường kính dưới 10 cm	x	x	x		x	
3584	2766	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x	x	x		x	
3585	2767	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	x	x	x		x	
3586	2768	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	x	x	x		x	
3589		M. XẠ TRỊ - HÓA TRỊ LIỆU						
3640		N. KỸ THUẬT KHÁC						
3650		XVI. NỘI TIẾT						
3651		A. NGOẠI KHOA						
3652		1. Phẫu thuật mở các tuyến nội tiết						
3683		2. Phẫu thuật bằng dao cắt siêu âm (DCSA) các tuyến nội tiết						
3714		B. NỘI KHOA						
3717		XVII. TẠO HÌNH THẨM MỸ						
3718		A. THỦ THUẬT CHĂM SÓC DA ĐIỀU TRỊ VÀ THẨM MỸ						
3719	2892	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	x	x	x		x	
3720	2893	Điều trị bằng tia tử ngoại từng phần	x	x	x		x	
3721	2894	Điều trị bằng tia hồng ngoại toàn thân	x	x	x		x	
3722	2895	Điều trị bằng tia hồng ngoại từng phần	x	x	x		x	
3723	2896	ánh sáng xanh trị liệu	x	x	x		x	
3724	2897	Đắp mặt nạ điều trị	x	x	x		x	
3725	2898	Đắp mặt nạ dưỡng da	x	x	x		x	
3726	2899	Chăm sóc da điều trị	x	x	x		x	
3727	2900	Chăm sóc da thẩm mỹ	x	x	x		x	
3730		B. PHẪU THUẬT THẨM MỸ						
3813		C. CÁC PHẪU THUẬT TẠO HÌNH VÀ THẨM MỸ ĐIỀU TRỊ DI CHỨNG BÔNG						
3829		XVIII. DA LIỆU						
3830		A. NỘI KHOA DA LIỆU						
3832	2992	Điều trị bệnh da bằng tia tử ngoại toàn thân	x	x	x		x	
3833	2993	Điều trị bệnh da bằng tia tử ngoại từng phần	x	x	x		x	
3834	2994	Điều trị bệnh da bằng tia hồng ngoại toàn thân	x	x	x		x	
3835	2995	Điều trị bệnh da bằng tia hồng ngoại từng phần	x	x	x		x	
3837	2997	ánh sáng xanh trị liệu bệnh da	x	x	x		x	
3838	2998	Đắp mặt nạ điều trị bệnh da	x	x	x		x	
3839	2999	Chăm sóc da điều trị bệnh da	x	x	x		x	
3840	3000	Điện đông các khối u lành tính ngoài da	x	x	x		x	
3841	3001	Quang đông các khối u lành tính ngoài da	x	x	x		x	
3842	3002	áp nito lỏng các khối u lành tính ngoài da	x	x	x		x	
3843	3003	Điều trị sẹo xấu bằng sóng cao tần	x	x	x		x	
3844	3004	Chăm sóc người bệnh Pemphigus nặng	x	x	x		x	
3845	3005	Tiêm nội sẹo, nội thương tổn	x	x	x		x	
3846	3006	Ga giường bột tale điều trị bệnh da	x	x	x		x	
3847	3007	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng: Lyell, Stevens-Johnson	x	x	x		x	
3848	3008	Điều trị sẹo xấu bằng hoá chất	x	x	x		x	
3849	3009	Điều trị sẹo lõm bằng tiêm Acid hyaluronic	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
3850	3010	Chăm TCA điều trị sẹo lõm	x	x	x		x	
3851		B. ĐIỀU TRỊ NGOẠI KHOA DA LIỄU						
3863	3022	Plasma hoá các khối u lành tính ngoài da	x	x	x		x	
3864	3023	Thay băng người bệnh chột, loét da dưới 20% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
3865	3024	Thay băng người bệnh chột, loét da trên 20% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
3866	3025	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
3867	3026	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
3868	3027	Điều trị sẹo xấu bằng Laser	x	x	x		x	
3869	3028	Điều trị sẹo lõm bằng laser CO2 siêu xung	x	x	x		x	
3870	3029	Cắt các dải xơ dính điều trị sẹo lõm	x	x	x		x	
3871	3030	Phẫu thuật móng: bóc móng, móng chọc thịt, móng cuộn...	x	x	x		x	
3872	3031	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x		x	
3873	3032	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu	x	x	x		x	
3874	3033	Nạo vét lỗ đáo không viêm xương	x	x	x		x	
3875	3034	Nạo vét lỗ đáo có viêm xương	x	x	x		x	
3876	3035	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3877	3036	Điều trị hạt cơm phẳng bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3878	3037	Điều trị chứng dày sừng bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng, gọt cắt bỏ	x	x	x	x	x	
3879	3038	Điều trị dày sừng da đầu, ánh sáng bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3880	3039	Điều trị u mềm lây bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3881	3040	Điều trị u nhú, u mềm treo bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3882	3041	Điều trị các thương tổn có sùi bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3883	3042	Điều trị sùi mào gà ở phụ nữ bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3884	3043	Điều trị sùi mào gà ở nam giới bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3885	3044	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3886	3045	Điều trị mắt cá chân bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3887	3046	Điều trị chai chân bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3888	3047	Điều trị sần cục bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3889	3048	Điều trị nốt sùi da đầu <0.5cm bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x	x	
3890		XIX. NGOẠI KHOA						
3891		A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO						
3925	3082	Rạch da đầu rộng trong máu tụ dưới da đầu	x	x	x		x	
3926	3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	x	x	x		x	
3927		B. TIM MẠCH – LÒNG NGỰC						
3928		1. Tim						
3987		2. Động, tĩnh mạch tim, phổi						
4011		3. Động tĩnh mạch						

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
4069		4. Ngực - phổi						
4110	3262	Kéo liên tục một mảng sườn hay mảng ức sườn	x	x	x		x	
4111	3263	Khâu cơ hoành bị rách hay thủng do chấn thương qua đường bụng	x	x	x		x	
4112	3264	Phẫu thuật cố định mảng sườn di động bằng nẹp	x	x	x		x	
4113	3265	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	x	x	
4114		C. TIÊU HÓA – BỤNG						
4115		1. Thực quản						
4129		2. Dạ dày						
4148	3297	Mở thông dạ dày	x	x	x		x	
4149	3298	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần	x	x	x		x	
4150		3. Ruột non - ruột già						
4179	3327	Phẫu thuật viêm ruột thừa	x	x	x		x	
4180	3328	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x		x	
4181	3329	Phẫu thuật cắt túi thừa ruột non, ruột già	x	x	x		x	
4182	3330	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	x	x	x		x	
4183	3331	Cắt đoạn ruột non	x	x	x		x	
4184	3332	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	x	x	x		x	
4185		4. Hậu môn – trực tràng						
4229	3376	Thắt trĩ độ I, II	x	x	x		x	
4230	3377	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	x	x	x		x	
4231	3378	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	x	x	x		x	
4232	3379	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	x	x	x		x	
4233	3380	Cắt polype trực tràng	x	x	x		x	
4234		5. Bẹn - Bụng						
4245	3391	Cắt u nang buồng trứng	x	x			x	vượt tuyến
4249	3395	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	x	x			x	vượt tuyến
4250	3396	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	x	x			x	vượt tuyến
4253	3399	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	x	x	x		x	
4254	3400	Lấy máu tụ tầng sinh môn	x	x	x		x	
4255	3401	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	x	x	x		x	
4256	3402	Mở bụng thăm dò	x	x	x		x	
4257	3403	Khâu lại bực thành bụng đơn thuần	x	x	x		x	
4258	3404	Khâu lại da thì 2, sau nhiễm khuẩn	x	x	x		x	
4259	3405	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x		x	
4260	3406	Chích áp xe tầng sinh môn	x	x	x		x	
4261	3407	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản	x	x	x		x	
4262		D. GAN- MẬT – LÁCH – TỤY						
4263		1.Gan						
4272	3416	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	x	x	x		x	
4273		2. Mật						
4300	3443	Dẫn lưu túi mật	x	x	x		x	
4302		3. Lách - Tụy						
4322		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC						
4323		1. Thận						
4348	3488	Dẫn lưu thận	x	x	x		x	
4349	3489	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	x	x	x		x	
4350		2. Niệu quản						
4363		3. Bàng quang						
4393	3531	Mô lấy sỏi bàng quang	x	x	x		x	
4394	3532	Mở thông bàng quang	x	x	x		x	
4395	3533	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	x	x	x		x	
4396	3534	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
4397	3535	Đặt ống thông bàng quang	x	x	x	x	x	
4398		4. Niệu đạo						
4414		5. Sinh dục						
4457	3593	Chích rạch màng trinh điều trị ứ dịch âm đạo, tử cung	x	x			x	vượt tuyển
4458	3594	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo	x	x			x	vượt tuyển
4463	3599	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên	x	x	x		x	
4464	3600	Rạch rộng vòng thắt nghệt bao quy đầu	x	x	x		x	
4465	3601	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	x	x	x		x	
4466	3602	Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie)	x	x	x		x	
4467	3603	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x		x	
4468	3604	Cắt hẹp bao quy đầu (phimosis)	x	x	x		x	
4469	3605	Mở rộng lỗ sáo	x	x	x		x	
4470	3606	Nong niệu đạo	x	x	x		x	
4471	3607	Cắt bỏ tinh hoàn	x	x	x		x	
4472	3608	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn	x	x	x		x	
4473		E. CHẤN THƯƠNG – CHÍNH HÌNH						
4474		1. Cột sống - Ngực						
4509		2. Vai						
4516	3649	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn	x	x	x		x	
4519		3. Cánh, cẳng tay						
4552	3684	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x	x		x	
4553	3685	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	x	x	x		x	
4554	3686	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	x	x	x		x	
4555	3687	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	x	x	x		x	
4556	3688	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay	x	x	x		x	
4557	3689	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	x	x	x		x	
4558	3690	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay	x	x	x		x	
4559		4. Bàn, ngón tay						
4579	3710	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	x	x	x		x	
4580	3711	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	x	x	x		x	
4581	3712	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	x	x	x		x	
4582		5. Hông - Đùi						
4614	3744	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi	x	x			x	vượt tuyển
4615		6. Khớp gối						
4627	3756	Chọc hút máu tụ khớp gối, bó bột ống	x	x	x	x	x	
4628		7. Cẳng chân						
4652		8. Cổ chân, bàn chân, ngón chân						
4672		9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)						
4677	3803	Nối gân gấp	x	x			x	vượt tuyển
4690	3816	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	x	x			x	vượt tuyển
4691	3817	Chích áp xe phần mềm lớn	x	x	x		x	
4692	3818	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	x	x	x		x	
4693	3819	Nối gân duỗi	x	x	x		x	
4694	3820	Tạo hình bằng các vật tại chỗ đơn giản	x	x	x		x	
4695	3821	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x		x	
4696	3822	Cắt hoại tử tiếp tuyến 10 đến 15% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
4697	3823	Cắt hoại tử tiếp tuyến từ dưới 10% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
4698	3824	Vá da dày toàn bộ, diện tích dưới 10cm ²	x	x	x		x	
4699	3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	x	x	x		x	
4700	3826	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	x	x	x	x	x	
4701	3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
4702		10. Nắn - Bó bột						
4712	3837	Nắn, bó bột gãy xương hàm	x	x	x		x	
4713	3838	Nắn, bó bột cột sống	x	x	x		x	
4714	3839	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x	x		x	
4715	3840	Nắn, bó bột gãy xương đòn	x	x	x		x	
4716	3841	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x	x		x	
4717	3842	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x	x		x	
4718	3843	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x	x		x	
4719	3844	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x	x		x	
4720	3845	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	x	x	x		x	
4721	3846	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x	x		x	
4722	3847	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x	x		x	
4723	3848	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	x	x	x		x	
4724	3849	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	x	x	x		x	
4725	3850	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	x	x	x		x	
4726	3851	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	x	x	x		x	
4727	3852	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x	x		x	
4728	3853	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	x	x	x		x	
4729	3854	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x	x		x	
4730	3855	Nắn, bó bột trật khớp háng	x	x	x		x	
4731	3856	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	x	x	x		x	
4732	3857	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x	x		x	
4733	3858	Nắn, bó bột gãy xương chậu	x	x	x		x	
4734	3859	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	x	x	x		x	
4735	3860	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật	x	x	x		x	
4736	3861	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	x	x	x		x	
4737	3862	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x	x	x		x	
4738	3863	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x	x		x	
4739	3864	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x	x		x	
4740	3865	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x	x		x	
4741	3866	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x	x		x	
4742	3867	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x	x		x	
4743	3868	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	x	x	x		x	
4744	3869	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x	x		x	
4745	3870	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x	x		x	
4746	3871	Nắn, bó bột gãy xương gót	x	x	x		x	
4747	3872	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x	x		x	
4748	3873	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x	x	x	x	x	
4749	3874	Nắn, cố định trật khớp hàm	x	x	x	x	x	
4750	3875	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x	x	x	x	
4752	3877	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x	x	x	x	
4753		11. Các kỹ thuật khác						
4774	3898	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu	x	x	x		x	
4775	3899	Mở cửa sổ xương	x	x	x		x	
4776	3900	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	x	x	x		x	
4777	3901	Rút đinh các loại	x	x	x		x	
4778	3902	Phẫu thuật vết thương khớp	x	x	x		x	
4779	3903	Phẫu thuật viêm tấy phần mềm ở cơ quan vận động	x	x	x		x	
4780	3904	Mở khoang và giải phóng mạch bị chèn ép của các chi	x	x	x		x	
4785	3909	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	x	x	
4786	3910	Chích hạch viêm mủ	x	x	x	x	x	
4787	3911	Thay băng, cắt chỉ	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
			(3)					
	(1)	(2)	A	B	C	D		
4788		G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC						
4793	3916	Cắt u nang bao hoạt dịch	x	x			x	vượt tuyển
4795	3918	Phẫu thuật lấy dị vật thành ngực, thành bụng	x	x			x	vượt tuyển
4797	3920	Phẫu thuật lấy dị vật phần mềm	x	x			x	vượt tuyển
4800	3923	Phẫu thuật lại cầm máu do chảy máu sau mổ	x	x			x	vượt tuyển
4801	3924	Cắt lọc tổ chức hoại tử	x	x	x		x	
4802	3925	Dẫn lưu áp xe cổ/áp xe tuyến giáp	x	x	x		x	
4803		XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI						
4804		A. SỌ NÃO – ĐẦU – MẶT – CỔ						
4825		B. TAI – MŨI – HỌNG						
4847		C. LÔNG NGỰC – PHỔI – TIM MẠCH						
4880		D. BỤNG – TIÊU HÓA						
4964		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC						
5030		E. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG						
5046		G. PHẪU THUẬT KHÁC						
5061	IV	LAO						
5099	38	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực	x	x	x		x	
5100	39	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	x	x	x		x	
5101	40	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	x	x	x		x	
5102	41	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	x	x	x		x	
5103	V	DA LIỄU						
5104		A. NỘI KHOA						
5107	3	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	x	x	x	x	x	
5108		B. NGOẠI KHOA						
5109		1. Thủ thuật						
5149	43	Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic acid)	x	x	x		x	
5150	44	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện	x	x	x		x	
5151	45	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện	x	x	x		x	
5152	46	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện	x	x	x		x	
5153	47	Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện	x	x	x		x	
5154	48	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện	x	x	x		x	
5155	49	Điều trị sần cục bằng đốt điện	x	x	x		x	
5156	50	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện	x	x	x		x	
5157	51	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	x	x	x	x	x	
5158		2. Phẫu thuật						
5177	70	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo không viêm xương cho người bệnh phong	x	x	x		x	
5178	71	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	x	x	x		x	
5179	72	Điều trị loét lỗ đáo cho người bệnh phong bằng chiếu Laser Hé- Né	x	x	x		x	
5180	73	Điều trị đau do zona bằng chiếu Laser Hé- Né	x	x	x		x	
5181		C. ỨNG DỤNG SẢN PHẨM TỪ CÔNG NGHỆ TẾ BÀO GỐC						
5198	VI	TÂM THẦN						
5199		A. TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ						
5236		B. THẨM ĐO CHỨC NĂNG VÀ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH						
5241		C. CÁC KỸ THUẬT ĐIỀU TRỊ						
5245		D. LIỆU PHÁP TÂM LÝ						
5258		Đ. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG TÂM THẦN						
5264		E. XỬ TRÍ ĐIỀU TRỊ TÍCH CỰC						
5266	62	Xử trí trạng thái kích động	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
			(3)					
	(1)	(2)	A	B	C	D		
5272	68	Cấp cứu tự sát	x	x	x	x	x	
5273	69	Xử trí hạ huyết áp tư thế	x	x	x	x	x	
5274	70	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x	x		x	
5275	71	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	x	x	
5277		G. CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY						
5289	VII	NỘI TIẾT						
5290		1. Kỹ thuật chung						
5293	3	Dẫn lưu áp xe tuyến giáp	x	x	x		x	
5517	220	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x		x	
5522	225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x	x	
5523	226	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x		x	
5524	227	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x		x	
5525	228	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ½ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x		x	
5526	229	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng lan tỏa cả bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x		x	
5527	230	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x		x	
5528	231	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x		x	
5529	232	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x		x	
5530	233	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x		x	
5531	234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x	x	
5533	236	Các tiêu phẫu ở người bệnh ĐTĐ (kiểm soát đường huyết tốt)	x	x	x		x	
5536	239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin	x	x	x	x	x	
5537	240	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân	x	x	x	x	x	
5538	241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện	x	x	x	x	x	
5539		9. Các kỹ thuật khác						
5544	VIII	Y HỌC CỔ TRUYỀN						
5545		A. KỸ THUẬT CHUNG						
5546	1	Mai hoa châm	x	x	x	x	x	
5547	2	Hào châm	x	x	x	x	x	
5550	5	Điện châm	x	x	x	x	x	
5551	6	Thủy châm	x	x	x	x	x	
5553	8	Ôn châm	x	x	x	x	x	
5555	10	Chích lê	x	x	x	x	x	
5556	11	Laser châm	x	x	x		x	
5557	12	Từ châm	x	x	x	x	x	
5558	13	Kéo nắn cột sống cổ	x	x	x		x	
5559	14	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x	x		x	
5560	15	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	x	x	x		x	
5561	16	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT	x	x	x		x	
5562	17	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT	x	x	x		x	
5563	18	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
5564	19	Xông thuốc bằng máy	x	x	x		x	
5565	20	Xông hơi thuốc	x	x	x	x	x	
5566	21	Xông khói thuốc	x	x	x	x	x	
5567	22	Sắc thuốc thang	x	x	x	x	x	
5568	23	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	x	x	x		x	
5569	24	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	x	x	x	x	x	
5570	25	Đặt thuốc YHCT	x	x	x	x	x	
5571	26	Bỏ thuốc	x	x	x	x	x	
5573	28	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x	x	
5574		B. CHÂM TÊ PHẪU THUẬT						
5660		C. ĐIỆN MÃNG CHÂM						
5709		D. ĐIỆN NHỈ CHÂM						
5776		Đ. CÂY CHỈ						
5827		E. ĐIỆN CHÂM						
5828	278	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x	x	
5829	279	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x	x	
5830	280	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x	x	
5831	281	Điện châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	x	x	
5846	296	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x	x	
5847	297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	x	x	
5848	298	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x	x	
5850	300	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x	x	
5851	301	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x	x	
5857	307	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x	x	
5863	313	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x	x	
5864	314	Điện châm điều trị ù tai	x	x	x	x	x	
5865	315	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x	x	
5866	316	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	x	x	x	x	x	
5867	317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x	x	
5868	318	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x	x	
5869	319	Điện châm điều trị giảm đau do zona	x	x	x	x	x	
5870	320	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	x	x	
5872		G. THỦY CHÂM						
5873	322	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	x	x	
5881	330	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x	x	
5902	351	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x	x	
5903	352	Thủy châm điều trị đau vai gáy	x	x	x	x	x	
5911	360	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x		x	
5912	361	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x		x	
5926	375	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x	x	
5927	376	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x	x	
5928	377	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x	x	
5929	378	Thủy châm điều trị đau lưng	x	x	x	x	x	
5940		H. XOA BÓP BẨM HUYỆT						
5941	389	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên	x	x	x	x	x	
5942	390	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x	x	
5943	391	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x	x	
5944	392	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
			(3)					
	(1)	(2)	A	B	C	D		
5945	393	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x	x	
5946	394	Xoa bóp bấm huyết điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x	x	
5947	395	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x	x	
5948	396	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x	x	
5949	397	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x	x	
5950	398	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng, ngất	x	x	x	x	x	
5958	406	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	x	x	
5959	407	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x	x	
5960	408	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x	x	
5961	409	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	x	x	x	x	x	
5962	410	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng stress	x	x	x	x	x	
5963	411	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x	x	
5964	412	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x	x	
5965	413	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x	x	
5966	414	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x	x	
5967	415	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mi	x	x	x	x	x	
5968	416	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x	x	
5971	419	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x	x	
5977	425	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x	x	
5980	428	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x	x	
5981	429	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau do thoái hoá khớp	x	x	x	x	x	
5982	430	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng	x	x	x	x	x	
5983	431	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x	x	
5984	432	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x	x	
5986	434	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x	x	
5993	441	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x	x	
5995	443	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x		x	
5997	445	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	x	x	x	x	x	
5998	446	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	X	x	
5999	447	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x	x	
6000	448	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x	x	
6003		I. CỨU						
6032		K. GIÁC HƠI						
6037	IX	GÂY MÊ HỒI SỨC						
6038		A. CÁC KỸ THUẬT						
6040	2	Kỹ thuật cách ly dự phòng	x	x	x		x	
6041	3	Kỹ thuật cách ly nhiễm trùng	x	x	x		x	
6042	4	Cai máy thở bằng chế độ thở thông thường	x	x	x		x	
6044	6	Cấp cứu cao huyết áp	x	x	x		x	
6045	7	Cấp cứu ngừng thở	x	x	x		x	
6046	8	Cấp cứu ngừng tim	x	x	x		x	
6048	10	Cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x		x	
6049	11	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong	x	x	x		x	
6050	12	Chăm sóc catheter động mạch	x	x	x		x	
6051	13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
6053	15	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	x	x	x		x	
6054	16	Chọc tĩnh mạch cảnh trong	x	x	x		x	
6055	17	Chọc tĩnh mạch đùi	x	x	x		x	
6056	18	Chọc tĩnh mạch dưới đòn	x	x	x		x	
6057	19	Chọc tuỷ sống đường bên	x	x	x		x	
6058	20	Chọc tuỷ sống đường giữa	x	x	x		x	
6059	21	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật	x	x	x		x	
6060	22	Chụp X-quang cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
6066	28	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài	x	x	x		x	
6067	29	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ tĩnh mạch ngoại vi	x	x	x		x	
6070	32	Đặt dẫn lưu ngực cấp cứu	x	x	x		x	
6075	37	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy	x	x	x		x	
6076	38	Đặt nội khí quản khó ngược dòng	x	x	x		x	
6079	41	Đặt nội khí quản mô qua mũi	x	x	x		x	
6082	44	Đặt nội khí quản qua mũi	x	x	x		x	
6083	45	Đặt nội khí quản với ống nội khí quản có vòng xoắn kim loại	x	x	x		x	
6084	46	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	x	x	x		x	
6097	59	Dự phòng rối loạn đông máu bằng tiêm truyền axit tranexamic	x	x	x		x	
6100	62	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	x	x	x		x	
6101	63	Kỹ thuật gây mê hô hấp với hệ thống Magill	x	x	x		x	
6102	64	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	x	x	x		x	
6105	67	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol, thiopental	x	x	x		x	
6106	68	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda	x	x	x		x	
6107	69	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1	x	x	x		x	
6110	72	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa	x	x	x		x	
6124	86	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	x	x	x		x	
6125	87	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	x	x	x		x	
6132	94	Kỹ thuật gây tê tuỷ sống phẫu thuật lấy thai	x	x	x		x	
6133	95	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	x	x	x		x	
6135	97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
6136	98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	x	x	x		x	
6137	99	Kỹ thuật giảm đau bằng dò liều morphin tĩnh mạch	x	x	x		x	
6140	102	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x		x	
6148	110	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền ketamin liều thấp	x	x	x		x	
6151	113	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ nắn xương	x	x	x		x	
6152	114	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật	x	x	x		x	
6154	116	Hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	x	x	x		x	
6155	117	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê	x	x	x		x	
6156	118	Hút dẫn lưu ngực	x	x	x		x	
6157	119	Hút nội khí quản bằng hệ thống kín	x	x	x		x	
6158	120	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản	x	x	x		x	
6161	123	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng	x	x	x		x	
6162	124	Xoay trở bệnh nhân thở máy	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
6165	127	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	x	x	x		x	
6171	133	Lưu kim luân tĩnh mạch để tiêm thuốc	x	x	x		x	
6172	134	Lý liệu pháp ngực ở bệnh nhân nặng	x	x	x		x	
6174	136	Mở khí quản	x	x	x		x	
6177	139	Nâng thân nhiệt chỉ huy	x	x	x		x	
6179	141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	x	x	x		x	
6180	142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày	x	x	x		x	
6181	143	Nuôi dưỡng qua ống thông hồng tràng	x	x	x		x	
6184	146	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)	x	x	x		x	
6185	147	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	x	x	x		x	
6186	148	Rửa tay phẫu thuật	x	x	x		x	
6187	149	Rửa tay sát khuẩn	x	x	x		x	
6188	150	Sân sóc theo dõi ống thông tiểu	x	x	x		x	
6189	151	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x		x	
6194	156	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x		x	
6201	163	Theo dõi đường giấy tại chỗ	x	x	x		x	
6204	166	Theo dõi Hb tại chỗ	x	x	x		x	
6205	167	Theo dõi Hct tại chỗ	x	x	x		x	
6206	168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	x	x	x		x	
6207	169	Theo dõi huyết áp xâm lấn bằng máy	x	x	x		x	
6209	171	Theo dõi khí máu tại chỗ	x	x	x		x	
6211	173	Theo dõi SpO ₂	x	x	x		x	
6213	175	Theo dõi thân nhiệt bằng máy	x	x	x		x	
6214	176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	x	x	x		x	
6215	177	Thở CPAP không qua máy thở	x	x	x		x	
6220	182	Thở máy xâm nhập với các phương thức khác nhau	x	x	x		x	
6221	183	Thở oxy gọng kính	x	x	x		x	
6222	184	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x		x	
6223	185	Thở oxy qua mũ kín	x	x	x		x	
6224	186	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x		x	
6226	188	Thông khí không xâm nhập bằng máy thở	x	x	x		x	
6230	192	Thường qui đặt nội khí quản khó	x	x	x		x	
6232	194	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	x	x	x		x	
6233	195	Truyền dịch thường qui	x	x	x		x	
6234	196	Truyền dịch trong sóc	x	x	x		x	
6235	197	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui	x	x	x		x	
6237	199	Truyền máu trong sóc	x	x	x		x	
6238	200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện	x	x	x		x	
6239	201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	x	x	x		x	
6240	202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức	x	x	x		x	
6241	203	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em	x	x	x		x	
6242	204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	x	x	x		x	
6243	205	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường	x	x	x		x	
6244		B. GÂY Mê						
6248	209	Gây mê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x		x	
6289	250	Gây mê phẫu thuật áp xe gan	x	x	x		x	
6305	266	Gây mê phẫu thuật bảo tồn	x	x	x		x	
6306	267	Gây mê phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi	x	x	x		x	
6308	269	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	x	x	x		x	
6310	271	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x		x	
6316	277	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	x	x			x	vượt tuyển

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
6348	309	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	x	x	x		x	
6350	311	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	x	x	x		x	
6361	322	Gây mê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x		x	
6369	330	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x		x	
6372	333	Gây mê phẫu thuật cắt chấp có bọc	x	x	x		x	
6387	348	Gây mê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x		x	
6393	354	Gây mê phẫu thuật cắt đoạn chi	x	x	x		x	
6394	355	Gây mê phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tuỷ	x	x	x		x	
6402	363	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bong sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
6403	364	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bong sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x		x	
6404	365	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bong sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
6405	366	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bong sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x		x	
6406	367	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bong sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
6407	368	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bong sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x		x	
6408	369	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x		x	
6409	370	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x	x		x	
6410	371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x		x	
6414	375	Gây mê phẫu thuật cắt lách do chấn thương	x	x	x		x	
6417	378	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
6418	379	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
6419	380	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
6420	381	Gây mê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x	x		x	
6422	383	Gây mê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời	x	x	x		x	
6424	385	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn	x	x	x		x	
6425	386	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc	x	x	x		x	
6426	387	Gây mê phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng	x	x	x		x	
6466	427	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x		x	
6468	429	Gây mê phẫu thuật cắt ruột non hình chêm	x	x	x		x	
6469	430	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x		x	
6471	432	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x		x	
6472	433	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x		x	
6540	501	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	X	X	x		x	
6542	503	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung	x	X	x		x	
6546	507	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng	x	X	x		x	
6547	508	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	x	X	x		x	
6549	510	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng	x	X	x		x	
6565	526	Gây mê phẫu thuật cắt u da đầu	x	x	x		x	
6567	528	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x		x	
6589	550	Gây mê phẫu thuật cắt u mạc treo ruột	x	x	x		x	
6642	603	Gây mê phẫu thuật cắt u xương lành	x	x	x		x	
6643	604	Gây mê phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyet	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
6657	618	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	x	x	x		x	
6672	633	Gây mê phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	x	x	x		x	
6692	653	Gây mê phẫu thuật chữa ngoài dạ con vỡ	x	x	x		x	
6717	678	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu túi mật	x	x	x		x	
6718	679	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu viêm mũ khớp, không sai khớp	x	x	x		x	
6765	726	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	x	x	x		x	
6766	727	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x	x		x	
6767	728	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x	x		x	
6796	757	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x		x	
6797	758	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x		x	
6798	759	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x		x	
6799	760	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x		x	
6800	761	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x	x		x	
6801	762	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	x	x	x		x	
6802	763	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	x	x			x	
6803	764	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x		x	
6804	765	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)	x	x			x	
6805	766	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành	x	x			x	
6806	767	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị qua khe thực quản	x	x			x	
6807	768	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x		x	
6808	769	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	x	x	x		x	
6938	899	Gây mê phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x		x	
7114	1075	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	x	x	x		x	
7125	1086	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật	x	x	x		x	
7134	1095	Gây mê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x		x	
7148	1109	Gây mê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	x	x	x		x	
7156	1117	Gây mê phẫu thuật loại 3	x	x	x		x	
7158	1119	Gây mê phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột	x	x	x		x	
7167	1128	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò	x	x	x		x	
7168	1129	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	x	x	x		x	
7173	1134	Gây mê phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x	x		x	
7190	1151	Gây mê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	x	x	x		x	
7191	1152	Gây mê phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại...)	x	x	x		x	
7192	1153	Gây mê phẫu thuật mở thông dạ dày	x	x	x		x	
7193	1154	Gây mê phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	x	x			x	
7639	1600	Gây mê phẫu thuật nối vị tràng	x	x	x		x	
7663		C. HỒI SỨC						
7708	1668	Hồi sức phẫu thuật áp xe gan	x	x	x		x	
7724	1684	Hồi sức phẫu thuật bảo tồn	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
7727	1687	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài da con vớ	x	x	x		x	
7729	1689	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x		x	
7744	1704	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x		x	
7745	1705	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x		x	
7780	1740	Hồi sức phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x		x	
7788	1748	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x		x	
7791	1751	Hồi sức phẫu thuật cắt chấy có bọc	x	x	x		x	
7806	1766	Hồi sức phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x		x	
7821	1781	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
7822	1782	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x		x	
7823	1783	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
7824	1784	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x		x	
7825	1785	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
7826	1786	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x		x	
7827	1787	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x		x	
7829	1789	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x		x	
7833	1793	Hồi sức phẫu thuật cắt lách do chấn thương	x	x	x		x	
7836	1796	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
7837	1797	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
7838	1798	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
7839	1799	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x	x		x	
7841	1801	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nằm chỉnh và cố định tạm thời	x	x	x		x	
7844	1804	Hồi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc	x	x	x		x	
7885	1845	Hồi sức phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x		x	
7887	1847	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột non hình chêm	x	x	x		x	
7888	1848	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x		x	
7890	1850	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x		x	
7891	1851	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x		x	
7893	1853	Hồi sức phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy	x	x	x		x	
7908	1868	Hồi sức phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	x	x	x		x	
7952	1912	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	x	x	x		x	
7954	1914	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	x	x	x		x	
7959	1919	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	x	x	x		x	
7961	1921	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung	x	x	x		x	
7965	1925	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng	x	x	x		x	
7966	1926	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	x	x	x		x	
7968	1928	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng	x	x	x		x	
7984	1944	Hồi sức phẫu thuật cắt u da đầu	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyet	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
7986	1946	Hồi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x		x	
8002	1962	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x	x		x	
8018	1978	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x		x	
8019	1979	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x		x	
8020	1980	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x	x		x	
8021	1981	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x		x	
8022	1982	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	x	x	x		x	
8035	1995	Hồi sức phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x	x		x	
8062	2022	Hồi sức phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x	x	x		x	
8076	2036	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	x	x	x		x	
8091	2051	Hồi sức phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	x	x	x		x	
8096	2056	Hồi sức phẫu thuật chích áp xe gan	x	x	x		x	
8111	2071	Hồi sức phẫu thuật chữa ngoài dạ con vỡ	x	x	x		x	
8132	2092	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	x	x	x		x	
8137	2097	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu viêm mũ khớp, không sai khớp	x	x	x		x	
8184	2144	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	x	x	x		x	
8185	2145	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x	x		x	
8186	2146	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x	x		x	
8215	2175	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x		x	
8216	2176	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x		x	
8217	2177	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x		x	
8218	2178	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x		x	
8219	2179	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x	x		x	
8220	2180	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	x	x	x		x	
8222	2182	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x		x	
8236	2196	Hồi sức phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x	x		x	
8243	2203	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận	x	x	x		x	
8244	2204	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	x	x	x		x	
8245	2205	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	x	x	x		x	
8246	2206	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x		x	
8249	2209	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x		x	
8252	2212	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x	x		x	
8357	2317	Hồi sức phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x		x	
8483	2443	Hồi sức phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật	x	x	x		x	
8486	2446	Hồi sức phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo	x	x	x		x	
8533	2493	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
			(3)					
	(1)	(2)	A	B	C	D		
8539	2499	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	x	x	x		x	
8540	2500	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x	x		x	
8541	2501	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x	x		x	
8553	2513	Hồi sức phẫu thuật lấy thai ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x		x	
8567	2527	Hồi sức phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	x	x	x		x	
8572	2532	Hồi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x	x		x	
8575	2535	Hồi sức phẫu thuật loại 3	x	x	x		x	
8577	2537	Hồi sức phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột	x	x	x		x	
8586	2546	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò	x	x	x		x	
8587	2547	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	x	x	x		x	
8592	2552	Hồi sức phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x	x		x	
8596	2556	Hồi sức phẫu thuật mở hồng tràng ra da nuôi ăn / mổ nội soi mở bụng thám sát chẩn đoán	x	x	x		x	
8609	2569	Hồi sức phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	x	x	x		x	
8610	2570	Hồi sức phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại...)	x	x	x		x	
8611	2571	Hồi sức phẫu thuật mở thông dạ dày	x	x	x		x	
8613	2573	Hồi sức phẫu thuật mở thông hồng tràng hoặc Hồi sức phẫu thuật mở thông hồi tràng	x	x	x		x	
9055	3015	Hồi sức phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non	x	x	x		x	
9058	3018	Hồi sức phẫu thuật nối vị tràng	x	x	x		x	
9082		D. GÂY TÊ						
9086	3045	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x		x	
9127	3086	Gây tê phẫu thuật bảo tồn	x	x	x		x	
9128	3087	Gây tê phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi	x	x	x		x	
9183	3142	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x		x	
9191	3150	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x		x	
9194	3153	Gây tê phẫu thuật cắt chấp có bọc	x	x	x		x	
9209	3168	Gây tê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x		x	
9224	3183	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
9225	3184	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x		x	
9226	3185	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
9227	3186	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x		x	
9228	3187	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
9229	3188	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x		x	
9230	3189	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x		x	
9231	3190	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x	x		x	
9232	3191	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x		x	
9239	3198	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
9240	3199	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x		x	
9241	3200	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
			(3)					
	(1)	(2)	A	B	C	D		
9242	3201	Gây tê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x	x		x	
9244	3203	Gây tê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời	x	x	x		x	
9288	3247	Gây tê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x		x	
9311	3270	Gây tê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	x	x	x		x	
9328	3287	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x	x		x	
9387	3346	Gây tê phẫu thuật cắt u da đầu	x	x	x		x	
9389	3348	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x		x	
9405	3364	Gây tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x	x		x	
9421	3380	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x		x	
9422	3381	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mắt đường kính trên 5 cm	x	x	x		x	
9423	3382	Gây tê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x	x		x	
9589	3548	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x	x		x	
9629	3588	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x		x	
9630	3589	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	x	x	x		x	
9639	3598	Gây tê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x	x		x	
9648	3607	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	x	x	x		x	
9649	3608	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x		x	
9652	3611	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mắt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x		x	
9655	3614	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x	x		x	
9727	3686	Gây tê phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x	x	x		x	
9756	3715	Gây tê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	x	x	x		x	
9760	3719	Gây tê phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x		x	
9986	3945	Gây tê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	x	x	x		x	
9991	3950	Gây tê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x	x		x	
9994	3953	Gây tê phẫu thuật loại 3	x	x	x		x	
10501		Đ. AN THẦN						
10502	4460	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh	x	x	x		x	
10506	4464	An thần bệnh nhân nội soi khí phế quản	x	x	x		x	
10507	4465	An thần bệnh nhân phải nắn xương	x	x	x		x	
10508	4466	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức	x	x	x		x	
10509	4467	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh	x	x	x		x	
10802	4760	An thần sau phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x	x		x	
10812	4770	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	x	x	x		x	
10820	X	NGOẠI KHOA						
10821		A. THẦN KINH - SỢ NÃO						
10989		B. TIM MẠCH - LỒNG NGỰC						
10990		1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực						
10991	152	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	x	x	x		x	
10992	153	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x		x	
10999	160	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi – màng phổi	x	x	x		x	
11001	162	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
11002	163	Phẫu thuật điều trị mảng sườn di động	x	x	x		x	
11003	164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	x	x	
11006		2. Cấp cứu chấn thương- vết thương mạch máu						
11012	172	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	x	x	x	x	x	
11016		3. Bệnh tim bẩm sinh						
11050		4. Bệnh tim mắc phải						
11086		5. Bệnh tim mạch máu						
11093	250	Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật	x	x	x		x	
11114		6. Lồng ngực						
11122	278	Phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x	x		x	
11132	288	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	x	x	x		x	
11133	289	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	x	x	x		x	
11136	292	Phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x	x		x	
11137	293	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mũ màng phổi	x	x	x		x	
11139		C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC						
11140		1. Thận						
11164	318	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x		x	
11165	319	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	x	x	x		x	
11169		2. Niệu quản						
11183		3. Bàng quang						
11201	353	Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	x	x	x		x	
11202	354	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang	x	x	x		x	
11203	355	Lấy sỏi bàng quang	x	x	x		x	
11204	356	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	x	x	x		x	
11205	357	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	x	x	x		x	
11207	359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	x	x	x		x	
11209		4. Niệu đạo						
11228		5. Sinh dục						
11255	405	Nong niệu đạo	x	x	x		x	
11256	406	Cắt bỏ tinh hoàn	x	x	x		x	
11257	407	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	x	x	x		x	
11258	408	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	x	x	x		x	
11259	409	Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie)	x	x	x		x	
11260	410	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x		x	
11261	411	Cắt hẹp bao quy đầu	x	x	x	x	x	
11262	412	Mở rộng lỗ sáo	x	x	x	x	x	
11264		D. TIÊU HÓA						
11265		1. Thực quản						
11268	416	Mở thông dạ dày	x	x	x		x	
11303		2. Dạ dày						
11304	451	Mở bụng thăm dò	x	x	x			
11305	452	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	x	x	x			
11306	453	Nội vị tràng	x	x	x			
11307	454	Cắt dạ dày hình chêm	x	x	x			
11316	463	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	x	x	x			
11326		3. Tá tràng						
11333		4. Ruột non- Mạc treo						
11334	479	Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng	x	x	x		x	
11335	480	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	x	x	x		x	
11336	481	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	x	x	x		x	
11337	482	Tháo xoắn ruột non	x	x	x		x	
11338	483	Tháo lồng ruột non	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
11339	484	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	x	x	x		x	
11340	485	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,...)	x	x	x		x	
11341	486	Cắt ruột non hình chêm	x	x	x		x	
11343	488	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài	x	x	x		x	
11345	490	Cắt nhiều đoạn ruột non	x	x	x		x	
11346	491	Gỡ dính sau mổ lại	x	x	x		x	
11347	492	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	x	x	x		x	
11348	493	Đóng mở thông ruột non	x	x	x		x	
11349	494	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng	x	x	x		x	
11350	495	Nối tắt ruột non - ruột non	x	x	x		x	
11351	496	Cắt mạc nối lớn	x	x	x		x	
11352	497	Cắt bỏ u mạc nối lớn	x	x	x		x	
11353	498	Cắt u mạc treo ruột	x	x	x		x	
11361		5. Ruột thừa- Đại tràng						
11362	506	Cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x	x	x	
11363	507	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x		x	
11364	508	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x		x	
11365	509	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	x	x	x		x	
11367	511	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	x	x	x		x	
11380	524	Làm hậu môn nhân tạo	x	x	x		x	
11381		6. Trực tràng						
11382	525	Làm hậu môn nhân tạo	x	x	x		x	
11383	526	Lấy dị vật trực tràng	x	x	x		x	
11404		7. Tầng sinh môn						
11407	549	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan – Morgan hoặc Ferguson)	x	x	x		x	
11408	550	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	x	x	x		x	
11413	555	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	x	x	x		x	
11423	565	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x		x	
11424	566	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	x	x	x		x	
11425	567	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	x	x	x		x	
11427	569	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	x	x	x		x	
11431	573	Các phẫu thuật hậu môn khác	x	x	x		x	
11432		Đ. GAN - MẬT - TỤY						
11433		1. Gan						
11480		2. Mật						
11501		3. Tụy						
11538	676	Khâu vết thương lách	x	x	x		x	
11541		E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHỨC MẠC						
11542		1. Thành bụng - cơ hoành						
11543	679	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x		x	
11544	680	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x	x		x	
11545	681	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x		x	
11546	682	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x		x	
11548	684	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x		x	
11549	685	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x		x	
11551	687	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
11553	689	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương	x	x	x		x	
11554	690	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	x	x	x		x	
11561	697	Phẫu thuật cắt u thành bụng	x	x	x		x	
11562	698	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	x	x	x		x	
11563	699	Khâu vết thương thành bụng	x	x	x		x	
11565		2. Phúc mạc						
11579		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH						
11580		1. Vùng vai-xương đòn						
11586	719	Phẫu thuật KHX gây xương đòn	x	x	x		x	
11590		2. Vùng cánh tay						
11602		3. Vùng cẳng tay						
11614		4. Vùng bàn tay						
11623		5. Vùng chấu						
11630		6. Vùng đùi						
11644		7. Khớp gối						
11648		8. Vùng cẳng chân						
11661		9. Vùng gót chân-bàn chân						
11668		10. Gãy xương hở						
11683		11. Tổn thương phần mềm						
11684	807	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	x	x	x		x	
11692		12. Vùng cổ tay-bàn tay						
11738	860	Thương tích bàn tay giản đơn	x	x	x		x	
11740	862	Phẫu thuật làm mềm cụt ngón và đốt bàn ngón	x	x	x		x	
11743		13. Vùng cổ chân-bàn chân						
11760		14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình						
11784		15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em						
11808		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác						
11836	954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	x	x	x		x	
11867		17. Nắn- Bó bột						
11916		H. CỘT SỐNG						
11917		1. Cột sống cổ						
11937		2. Cột sống ngực						
11951		3. Cột sống thắt lưng						
11970		4. Các phẫu thuật ít xâm lấn						
11982		I. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC						
12003	XI	BÔNG						
12004		A. ĐIỀU TRỊ BÔNG						
12005		1. Thay băng bông						
12009	4	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x		x	
12010	5	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	x	x	
12014	9	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
12015	10	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
12016	11	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bông sâu	x	x	x		x	
12017	12	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da	x	x	x		x	
12018	13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bông nông	x	x	x	x	x	
12019	14	Gây mê thay băng bông	x	x	x		x	
12020		2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bông						
12021	15	Rạch hoại tử bông giải thoát chèn ép	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
12022	16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bóng sâu	x	x	x	x	x	
12025	19	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x		x	
12028	22	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
12031	25	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bóng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x		x	
12034	28	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bóng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x		x	
12065	59	Sử dụng các sản phẩm dạng dung dịch từ nuôi cấy tế bào để điều trị vết thương, vết bỏng	x	x	x		x	
12084	77	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng	x	x	x	x	x	
12086	79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt	x	x	x	x	x	
12087	80	Xử lí tại chỗ ki đầu tổn thương bỏng	x	x	x	x	x	
12088	81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng	x	x	x	x	x	
12089	82	Sơ cấp cứu bỏng acid	x	x	x	x	x	
12090	83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện	x	x	x	x	x	
12091	84	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng	x	x	x		x	
12092	85	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường hô hấp	x	x	x		x	
12093	86	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường tiêu hóa	x	x	x		x	
12094	87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	x	x	x		x	
12096	89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	x	x	
12097	90	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x		x	
12109		B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỎNG VÀ SAU BỎNG						
12110	102	Khám di chứng bỏng	x	x	x		x	
12111	103	Cắt sẹo khâu kín	x	x	x		x	
12124		C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH						
12125	116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	x	x	x		x	
12131		D. VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG BỎNG						
12132	122	Khám bệnh nhân phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x		x	
12138	128	Tập vận động phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x		x	
12139	129	Sử dụng gel silicol điều trị sẹo bỏng	x	x	x		x	
12140	130	Tập vận động cho bệnh nhân đang điều trị bỏng để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể	x	x	x		x	
12141	131	Đặt vị thế cho bệnh nhân bỏng	x	x	x		x	
12142	XII	UNG BƯỚU						
12143		A. ĐẦU-CỔ						
12153	10	Cắt các u lành vùng cổ	x	x	x		x	
12160		B. THẦN KINH SỌ NÃO, CỘT SỐNG						
12189		C. HÀM - MẶT						
12213	68	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x	x		x	
12237	92	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	x	x	x		x	
12241		D. MẮT						
12259		Đ. TAI - MŨI - HỌNG						
12313		E. LÒNG NGỰC - TIM MẠCH - PHỔI						
12338	190	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm	x	x	x		x	
12343		G. TIÊU HOÁ - BỤNG						

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
12369		H. GAN - MẬT - TUY						
12393		I. TIẾT NIỆU-SINH DỤC						
12412	261	Cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x	x		x	
12416	265	Cắt u lành dương vật	x	x	x		x	
12418		K. VÚ - PHỤ KHOA						
12419	267	Cắt u vú lành tính	x	x	x		x	
12420	268	Mổ bóc nhân xơ vú	x	x	x		x	
12430	278	Cắt polyp cổ tử cung	x	x	x		x	
12431	279	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x		x	
12432	280	Cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x		x	
12433	281	Cắt u nang buồng trứng	x	x	x		x	
12434	282	Cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	x	x	x		x	
12435	283	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	x	x	x		x	
12436	284	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x		x	
12437	285	Phẫu thuật mở bụng/nội soi bóc u lành tử cung	x	x	x		x	
12457	305	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	x	x	x		x	
12458	306	Cắt u thành âm đạo	x	x	x		x	
12461	309	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x		x	
12462		L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP						
12466	313	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	x	x	x		x	
12473	320	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x	x	x		x	
12475	322	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	x	x	x		x	
12494		M. XẠ TRỊ-HOÁ TRỊ LIỆU						
12532		N. KỸ THUẬT KHÁC						
12557	XIII	PHỤ SẢN						
12558		A. SẢN KHOA						
12559	1	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược	x	x	x		x	
12560	2	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	x	x			x	vượt tuyển
12565	7	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	x	x	x		x	
12566	8	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)	x	x	x		x	
12570	12	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	x	x	x		x	
12571	13	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	x	x	x		x	
12576	18	Khâu tử cung do nạo thủng	x	x	x		x	
12578	20	Gây chuyển dạ bằng thuốc	x	x			x	vượt tuyển
12579	21	Nghiệm pháp lọt ngôi chòm	x	x	x		x	
12580	22	Đề chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch	x	x	x		x	
12581	23	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	x	x	x		x	
12582	24	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	x	x	x		x	
12583	25	Nội xoay thai	x	x	x		x	
12584	26	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	x	x	x		x	
12585	27	Forceps	x	x	x		x	
12586	28	Giác hút	x	x	x		x	
12587	29	Soi ối	x	x	x		x	
12588	30	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	x	x	x		x	
12589	31	Thủ thuật cắt, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	x	x	x		x	
12590	32	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x		x	
12591	33	Đỡ đẻ thường ngôi chòm	x	x	x	x	x	
12592	34	Cắt và khâu tầng sinh môn	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
			(3)					
	(1)	(2)	A	B	C	D		
12593	35	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	x	x	x	x	x	
12594	36	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau	x	x	x	x	x	
12595	37	Kiểm soát tử cung	x	x	x	x	x	
12596	38	Bóc rau nhân tạo	x	x	x	x	x	
12597	39	Kỹ thuật bấm ối	x	x	x	x	x	
12598	40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	x	x	x	x	x	
12599	41	Khám thai	x	x	x	x	x	
12606	48	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	x	x	x		x	
12607	49	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	x	x	x		x	
12608	50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	x	x	x		x	
12609	51	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	x	x	x		x	
12610	52	Khâu vòng cổ tử cung	x	x	x		x	
12611	53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	x	x	x		x	
12612	54	Chích áp xe tầng sinh môn	x	x	x		x	
12613		B. PHỤ KHOA						
12629	70	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	x	x	x		x	
12630	71	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	x	x	x		x	
12631	72	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x		x	
12645	86	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	x	x	x		x	
12650	91	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng	x	x	x		x	
12651	92	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	x	x	x		x	
12652	93	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	x	x	x		x	
12695	136	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	x	x	x		x	
12702	143	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	x	x	x		x	
12703	144	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x		x	
12704	145	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	x	x	x		x	
12705	146	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn	x	x	x		x	
12706	147	Cắt u thành âm đạo	x	x	x		x	
12707	148	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x		x	
12708	149	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x		x	
12709	150	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x		x	
12710	151	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x		x	
12711	152	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x		x	
12712	153	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	x	x	x		x	
12713	154	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	x	x	x		x	
12714	155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	x	x	x		x	
12715	156	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	x	x	x		x	
12716	157	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	x	x	x		x	
12717	158	Nạo hút thai trứng	x	x	x		x	
12718	159	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	x	x	x		x	
12719	160	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x		x	
12720	161	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	x	x	x		x	
12721	162	Chọc dẫn lưu dịch cổ tử cung trong ung thư buồng trứng	x	x	x		x	
12722	163	Chích áp xe vú	x	x	x		x	
12723	164	Khám nam khoa	x	x	x		x	
12724	165	Khám phụ khoa	x	x	x	x	x	
12725	166	Soi cổ tử cung	x	x	x	x	x	
12726	167	Làm thuốc âm đạo	x	x	x	x	x	
12733	174	Cắt u vú lành tính	x	x	x		x	
12735	176	Cắt âm hộ + vết hạch bên hai bên	x	x			x	
12736	177	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
			(3)					
	(1)	(2)	A	B	C	D		
12737		C. SƠ SINH						
12746	186	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy	x	x	x		x	
12747	187	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)	x	x	x		x	
12749	189	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	x	x	x		x	
12751	191	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh	x	x	x		x	
12752	192	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	x	x	x		x	
12753	193	Rửa dạ dày sơ sinh	x	x	x		x	
12754	194	Ep tim ngoài lồng ngực	x	x	x		x	
12755	195	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh	x	x	x		x	
12756	196	Khám sơ sinh	x	x	x	x	x	
12757	197	Chăm sóc rốn sơ sinh	x	x	x	x	x	
12758	198	Tắm sơ sinh	x	x	x	x	x	
12759	199	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	x	x	x	x	x	
12760	200	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh	x	x	x	x	x	
12761	201	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh	x	x	x	x	x	
12762	202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh	x	x	x	x	x	
12763		D. HỖ TRỢ SINH SẢN						
12782		Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH						
12784	222	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	x	x	x		x	
12785	223	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	x	x	x		x	
12786	224	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	x	x	x		x	
12787	225	Cây - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	x	x	x		x	
12788	226	Cây - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	x	x	x		x	
12789	227	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)	x	x	x		x	
12790	228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	x	x	x	x	x	
12791		E. PHÁ THAI						
12800	237	Hút thai dưới siêu âm	x	x			x	vượt tuyến
12801	238	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x		x	
12802	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	x	x	x		x	
12803	240	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ	x	x	x		x	
12804	241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	x	x	
12805	XIV	MẮT						
12966	161	Tập nhược thị	x	x	x		x	
12969	164	Cắt bỏ túi lệ	x	x	x		x	
12970	165	Phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x	x		x	
12971	166	Lấy dị vật giác mạc sâu	x	x	x		x	
12972	167	Cắt bỏ chấp có bọc	x	x	x		x	
12974	169	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x	x		x	
12976	171	Khâu da mi đơn giản	x	x	x		x	
12977	172	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x		x	
12979	174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x		x	
12980	175	Khâu phủ kết mạc	x	x	x		x	
12981	176	Khâu giác mạc	x	x	x		x	
12982	177	Khâu củng mạc	x	x	x		x	
12985	180	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x	x		x	
12992	187	Phẫu thuật quặm	x	x	x		x	
12997	192	Cắt chỉ khâu giác mạc	x	x	x		x	
12998	193	Tiêm dưới kết mạc	x	x	x		x	
12999	194	Tiêm cạnh nhãn cầu	x	x	x		x	
13000	195	Tiêm hậu nhãn cầu	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyet	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
13002	197	Bơm thông lệ đạo	x	x	x		x	
13003	198	Lấy máu làm huyết thanh	x	x	x		x	
13005	200	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x	x	
13006	201	Khâu kết mạc	x	x	x	x	x	
13007	202	Lấy calci kết mạc	x	x	x	x	x	
13008	203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	x	x	x	x	x	
13009	204	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x	x	x	x	
13010	205	Đốt lông siêu, nhổ lông siêu	x	x	x	x	x	
13011	206	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x	x	x	
13012	207	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	x	x	
13013	208	Thay băng vô khuẩn	x	x	x	x	x	
13014	209	Tra thuốc nhỏ mắt	x	x	x	x	x	
13015	210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	x	x	
13016	211	Rửa cùng đồ	x	x	x	x	x	
13017	212	Cấp cứu bong mắt ban đầu	x	x	x	x	x	
13018	213	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)	x	x	x		x	
13019	214	Bóc giả mạc	x	x	x		x	
13020	215	Rạch áp xe mi	x	x	x		x	
13021	216	Rạch áp xe túi lệ	x	x	x		x	
13022	217	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc	x	x	x		x	
13023	218	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x	x	x	
13024	219	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	x	x	x		x	
13025	220	Soi đáy mắt bằng Schepens	x	x	x		x	
13026	221	Soi góc tiền phòng	x	x	x		x	
13027	222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	x	x	x	x	x	
13028	223	Khám lâm sàng mắt	x	x	x	x	x	
13030	225	Gây mê để khám	x	x	x		x	
13031		Ung bướu						
13035		Tạo hình						
13045		Chẩn đoán hình ảnh						
13058		Thăm dò chức năng và xét nghiệm						
13059	250	Test thử cảm giác giác mạc	x	x	x		x	
13060	251	Test phát hiện khô mắt	x	x	x		x	
13061	252	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	x	x	x		x	
13062	253	Đo thị trường trung tâm, thị trường âm điểm	x	x	x		x	
13063	254	Đo thị trường chu biên	x	x	x		x	
13065	256	Đo sắc giác	x	x	x		x	
13066	257	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	x	x	x		x	
13069	260	Đo thị lực	x	x	x	x	x	
13070	261	Thử kính	x	x	x		x	
13072	263	Xác định sơ đồ song thị	x	x	x		x	
13074	265	Đo thị giác 2 mắt	x	x	x		x	
13076	267	Đo đường kính giác mạc	x	x	x		x	
13097	XV	TAI MŨI HỌNG						
13098		A. TAI - TAI THẦN KINH						
13143	45	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu dai tai	x	x	x		x	
13145	47	Cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x		x	
13148	50	Chích rạch màng nhĩ	x	x	x		x	
13149	51	Khâu vết rách vành tai	x	x	x		x	
13150	52	Bơm hơi vòi nhĩ	x	x	x		x	
13151	53	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	x	x	x		x	
13152	54	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
13153	55	Nội soi lấy dị vật tai gây mê	x	x	x		x	
13154	56	Chọc hút dịch vành tai	x	x	x	x	x	
13155	57	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	x	x	
13156	58	Làm thuốc tai	x	x	x	x	x	
13157	59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	x	x	x	x	x	
13158		B. MŨI-XOANG						
13179	80	Cắt Polyp mũi	x	x	x		x	
13231	132	Bẻ cuốn mũi	x	x	x		x	
13233	134	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	x	x	x		x	
13237	138	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x		x	
13239	140	Nhét bắc mũi sau	x	x	x		x	
13240	141	Nhét bắc mũi trước	x	x	x		x	
13241	142	Cầm máu mũi bằng Merocel	x	x	x		x	
13242	143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x		x	
13243	144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x		x	
13244	145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	x	x	x	x	x	
13245	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	x	x	
13246	147	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	x	x	x	x	x	
13247		C. HỌNG-THANH QUẢN						
13274	174	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	x	x	x		x	
13295	195	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	x	x	x		x	
13304	204	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	x	x	x		x	
13305	205	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng	x	x	x		x	
13306	206	Chích áp xe sàn miệng	x	x	x		x	
13307	207	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x		x	
13308	208	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA	x	x	x		x	
13309	209	Cắt phanh l-ưỡi	x	x	x		x	
13312	212	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x	x	
13313	213	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x		x	
13314	214	Khâu phục hồi tổn th-trương đơn giản miệng, họng	x	x	x		x	
13315	215	Đốt họng hạt bằng nhiệt	x	x	x	x	x	
13316	216	Áp lạnh họng hạt (Nito, CO2 lỏng)	x	x	x	x	x	
13317	217	Áp lạnh Amidan (Nito, CO2 lỏng)	x	x	x	x	x	
13318	218	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x		x	
13319	219	Đặt nội khí quản	x	x	x		x	
13320	220	Thay canuyn	x	x	x		x	
13321	221	Sơ cứu bóng đường hô hấp	x	x	x	x	x	
13322	222	Khí dung mũi họng	x	x	x	x	x	
13323	223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	x	x	x		x	
13324	224	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản	x	x	x		x	
13356		D. ĐẦU CỔ						
13400	299	Phẫu thuật mở lại hốc mổ cầm máu sau phẫu thuật vùng đầu cổ	x	x	x		x	
13402	301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	x	x	x	x	x	
13403	302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	x	x	x	x	
13404	303	Thay băng vết mổ	x	x	x	x	x	
13405	304	Chích áp xe nhô vùng đầu cổ	x	x	x	x	x	
13406		Đ. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ						
13460	XVI	RĂNG HÀM MẶT						
13461		A. RĂNG						
13502	41	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x		x	
13503	42	Chích áp xe lợi	x	x	x	x	x	
13504	43	Lấy cao răng	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
13529	68	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x		x	
13530	69	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x	x	
13531	70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	x	x	
13532	71	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	x	x	x		x	
13533	72	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x		x	
13534	73	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà	x	x	x		x	
13543	82	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc	x	x	x		x	
13544	83	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x		x	
13545	84	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x	x	
13565	104	Chụp nhựa	x	x	x		x	
13566	105	Chụp kim loại	x	x	x		x	
13567	106	Chụp hợp kim thường cần nhựa	x	x	x		x	
13568	107	Chụp hợp kim thường cần sứ	x	x	x		x	
13569	108	Chụp hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x		x	
13570	109	Chụp sứ toàn phần	x	x	x		x	
13571	110	Chụp kim loại quý cần sứ	x	x	x		x	
13572	111	Chụp sứ Cercon	x	x			x	
13573	112	Cầu nhựa	x	x	x		x	
13574	113	Cầu hợp kim thường	x	x	x		x	
13575	114	Cầu kim loại cần nhựa	x	x	x		x	
13576	115	Cầu kim loại cần sứ	x	x	x		x	
13577	116	Cầu hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x		x	
13578	117	Cầu kim loại quý cần sứ	x	x	x		x	
13579	118	Cầu sứ toàn phần	x	x	x		x	
13590	129	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	x	x	x	x	x	
13591	130	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	x	x	x	x	x	
13592	131	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	x	x	x		x	
13593	132	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo	x	x	x		x	
13594	133	Hàm khung kim loại	x	x	x		x	
13597	136	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	x	x	x	x	x	
13598	137	Tháo cầu răng giả	x	x	x		x	
13599	138	Tháo chụp răng giả	x	x	x		x	
13600	139	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x	x	
13601	140	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x	x	
13602	141	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x	x	
13603	142	Đệm hàm nhựa thường	x	x	x	x	x	
13664	203	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x		x	
13665	204	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x		x	
13666	205	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x		x	
13667	206	Nhổ răng thừa	x	x	x		x	
13674	213	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x	x		x	
13675	214	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x		x	
13682	221	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x		x	
13683	222	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	x	x	x		x	
13684	223	Trám bít hố rãnh với Composite hoá trùng hợp	x	x	x		x	
13685	224	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x		x	
13686	225	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x		x	
13687	226	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	x	x	
13688	227	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement	x	x	x	x	x	
13689	228	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x		x	
13690	229	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
13691	230	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	x	x	x		x	
13692	231	Lấy tủy buồng răng sữa	x	x	x		x	
13693	232	Điều trị tủy răng sữa	x	x	x		x	
13694	233	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	x	x	x		x	
13695	234	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	x	x	x		x	
13696	235	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x	x	
13698	237	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	x	x	x		x	
13699	238	Nhổ răng sữa	x	x	x	x	x	
13700	239	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x	x	
13701	240	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x	x	
13702	241	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	x	x	x	x	x	
13703		B. HÀM MẶT						
13758	296	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x		x	
13760	298	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x		x	
13761	299	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x		x	
13762	300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x		x	
13763	301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x	x	
13777	315	Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	x	x	x		x	
13796	334	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x		x	
13797	335	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x		x	
13798	336	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	x	x			x	
13799	337	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	x	x	x		x	
13800	338	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x	x		x	
13802	340	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x	x		x	
13810	XVII	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG						
13811		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)						
13812	1	Điều trị bằng sóng ngắn	x	x	x		x	
13816	5	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x		x	
13817	6	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	x	x	x		x	
13818	7	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x		x	
13819	8	Điều trị bằng siêu âm	x	x	x		x	
13820	9	Điều trị bằng sóng xung kích	x	x	x		x	
13821	10	Điều trị bằng dòng giao thoa	x	x	x		x	
13822	11	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x	x	
13825	14	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	x	x	x	x	x	
13826	15	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	x	x	x	x	x	
13827	16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x	x	x	x	x	
13828	17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	x	x	x	x	x	
13829	18	Điều trị bằng Parafin	x	x	x	x	x	
13837	26	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	x	x	x		x	
13842		B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)						
13843	31	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x	x	
13844	32	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tùy	x	x	x	x	x	
13845	33	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x	x	
13846	34	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x	x	
13847	35	Tập lăn trở khi nằm	x	x	x	x	x	
13848	36	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	x	x	x	x	x	
13849	37	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	x	x	
13850	38	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	x	x	x	x	x	
13851	39	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
13852	40	Tập dáng đi	x	x	x	x	x	
13853	41	Tập đi với thanh song song	x	x	x	x	x	
13854	42	Tập đi với khung tập đi	x	x	x	x	x	
13855	43	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	x	x	x	x	x	
13856	44	Tập đi với gậy	x	x	x	x	x	
13857	45	Tập đi với bàn xương cá	x	x	x	x	x	
13858	46	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	x	x	x	x	x	
13859	47	Tập lên, xuống cầu thang	x	x	x	x	x	
13860	48	Tập đi trên các địa hình khác nhau (đốc, sỏi, gỗ ghềnh...)	x	x	x	x	x	
13861	49	Tập đi với chân giả trên gối	x	x	x	x	x	
13862	50	Tập đi với chân giả dưới gối	x	x	x	x	x	
13863	51	Tập đi với khung treo	x	x	x	x	x	
13864	52	Tập vận động thụ động	x	x	x	x	x	
13865	53	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x	x	
13866	54	Tập vận động chủ động	x	x	x	x	x	
13867	55	Tập vận động tự do tứ chi	x	x	x	x	x	
13868	56	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x	x	
13869	57	Tập kéo dẫn	x	x	x	x	x	
13870	58	Tập vận động trên bóng	x	x	x		x	
13872	60	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên	x	x	x		x	
13873	61	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới	x	x	x		x	
13874	62	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	x	x	x		x	
13875	63	Tập với thang tường	x	x	x	x	x	
13876	64	Tập với giàn treo các chi	x	x	x		x	
13877	65	Tập với ròng rọc	x	x	x	x	x	
13878	66	Tập với dụng cụ quay khớp vai	x	x	x	x	x	
13880	68	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	x	x	x	x	x	
13881	69	Tập với máy tập thăng bằng	x	x	x	x	x	
13882	70	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	x	x	x	x	x	
13883	71	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x	x	
13884	72	Tập với bàn nghiêng	x	x	x	x	x	
13885	73	Tập các kiểu thở	x	x	x	x	x	
13886	74	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)	x	x	x	x	x	
13887	75	Tập ho có trợ giúp	x	x	x	x	x	
13888	76	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x	x	
13889	77	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	x	x	x	x	x	
13890	78	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	x	x			x	
13891	79	Kỹ thuật di động khớp	x	x			x	
13892	80	Kỹ thuật di động mô mềm	x	x			x	
13893	81	Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở	x	x			x	
13894	82	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	x	x	x	x	x	
13895	83	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	x	x	x	x	x	
13896	84	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	x	x	x	x	x	
13897	85	Kỹ thuật xoa bóp vùng	x	x	x	x	x	
13898	86	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	x	x	x		x	
13899	87	Kỹ thuật Frenkel	x	x	x	x	x	
13900	88	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	x	x	x	x	x	
13901	89	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình	x	x	x	x	x	
13902	90	Tập điều hợp vận động	x	x	x	x	x	
13903	91	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	x	x	x	x	x	
13904		C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU						

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
13905		(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)						
13906	92	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	x	x	x	x	x	
13907	93	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	x	x	x	x	x	
13908	94	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	x	x	x	x	x	
13909	95	Tập các vận động thô của bàn tay	x	x	x	x	x	
13910	96	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	x	x	x	x	x	
13911	97	Tập phối hợp hai tay	x	x	x	x	x	
13912	98	Tập phối hợp tay mắt	x	x	x	x	x	
13913	99	Tập phối hợp tay miệng	x	x	x	x	x	
13914	100	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)	x	x	x	x	x	
13915	101	Tập điều hòa cảm giác	x	x	x	x	x	
13916	102	Tập tri giác và nhận thức	x	x	x	x	x	
13917	103	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	x	x	x	x	x	
13918		D. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU						
13919		(nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)						
13920	104	Tập nuốt	x	x	x	x	x	
13921	105	Tập nói	x	x	x	x	x	
13922	106	Tập nhai	x	x	x	x	x	
13923	107	Tập phát âm	x	x	x	x	x	
13924	108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	x	x	x	x	x	
13925	109	Tập cho người thất ngôn	x	x	x	x	x	
13926	110	Tập luyện giọng	x	x	x	x	x	
13927	111	Tập sửa lỗi phát âm	x	x	x	x	x	
13928		Đ. KỸ THUẬT THẨM ĐO, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)						
13929	112	Lượng giá chức năng người khuyết tật	x	x	x	x	x	
13930	113	Lượng giá chức năng tim mạch	x	x	x	x	x	
13931	114	Lượng giá chức năng hô hấp	x	x	x	x	x	
13932	115	Lượng giá chức năng tâm lý	x	x	x	x	x	
13933	116	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức	x	x	x	x	x	
13934	117	Lượng giá chức năng ngôn ngữ	x	x	x	x	x	
13935	118	Lượng giá chức năng dáng đi	x	x	x	x	x	
13936	119	Lượng giá chức năng thăng bằng	x	x	x	x	x	
13937	120	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	x	x	x	x	x	
13939	122	Thử cơ bằng tay	x	x	x		x	
13940	123	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	x	x	
13950	133	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống	x	x	x	x	x	
13951	134	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tùy sống	x	x	x	x	x	
13953	136	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti	x	x	x		x	
13954	137	Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng (trong liệt tứ chi)	x	x	x	x	x	
13956	139	Kỹ thuật băng chun mồm cắt chi trên	x	x	x	x	x	
13957	140	Kỹ thuật băng chun mồm cắt chi dưới	x	x	x	x	x	
13958		E. DỤNG CỤ CHÍNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)						

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
13959	141	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	x	x	x	x	x	
13960	142	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	x	x	x	x	x	
13961	143	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	x	x	x	x	x	
13962	144	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	x	x	x	x	x	
13963	145	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	x	x	x	x	x	
13964	146	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	x	x	x	x	x	
13965	147	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)	x	x	x	x	x	
13966	148	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (điều trị cong vẹo cột sống)	x	x	x	x	x	
13967	149	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	x	x	x	x	x	
13968	150	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	x	x	x	x	x	
13969	151	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	x	x	x	x	x	
13970	152	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	x	x	x	x	x	
13971	153	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	x	x	x	x	x	
13972	154	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong	x	x	x	x	x	
13973	155	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng	x	x	x	x	x	
13974	156	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	x	x	x	x	x	
13975	XVIII	ĐIỆN QUANG						
13976		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN						
13977		1. Siêu âm đầu, cổ						
13978	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x		x	
13979	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x		x	
13988		2. Siêu âm vùng ngực						
13989	11	Siêu âm màng phổi	x	x			x	vượt tuyển
13993		3. Siêu âm ổ bụng						
13994	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x		x	
13995	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x		x	
13997	18	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x		x	
13999	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x		x	
14000	21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	x	x			x	vượt tuyển
14001	22	Siêu âm Doppler gan lách	x	x			x	vượt tuyển
14002	23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	x	x			x	vượt tuyển
14003	24	Siêu âm Doppler động mạch thận	x	x			x	vượt tuyển
14004	25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	x	x			x	vượt tuyển
14005	26	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	x	x			x	vượt tuyển
14006	27	Siêu âm 3D/4D khối u	x	x			x	vượt tuyển
14007	28	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x			x	vượt tuyển
14008	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	x	x			x	vượt tuyển
14009		4. Siêu âm sản phụ khoa						
14010	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x		x	
14011	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	x	x	x		x	
14012	32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	x	x			x	vượt tuyển
14014	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x		x	
14015	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x		x	
14016	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x		x	
14021	41	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x			x	vượt tuyển
14022	42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x	x			x	vượt tuyển
14023		5. Siêu âm cơ xương khớp						
14025	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	x	x			x	vượt tuyển

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyet	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
14026		6. Siêu âm tim, mạch máu						
14027	45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	x	x			x	vượt tuyến
14030	48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	x	x			x	vượt tuyến
14031	49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x			x	vượt tuyến
14034	52	Siêu âm Doppler tim, van tim	x	x			x	vượt tuyến
14035	53	Siêu âm 3D/4D tim	x	x			x	vượt tuyến
14036		7. Siêu âm vú						
14037	54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x			x	vượt tuyến
14038	55	Siêu âm Doppler tuyến vú	x	x			x	vượt tuyến
14040		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam						
14041	57	Siêu tinh hoàn hai bên	x	x			x	vượt tuyến
14042	58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	x	x			x	vượt tuyến
14045		9. Siêu âm với kỹ thuật đặc biệt						
14046	61	Siêu âm trong mổ	x	x			x	vượt tuyến
14052		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)						
14053		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy					x	
14054	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x	x	
14055	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	x	x	
14056	69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	x	x	x	x	x	
14057	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	x	x	
14058	71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x	x	x		x	
14059	72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x	x	
14060	73	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x	x	
14061	74	Chụp Xquang hàm chéch một bên	x	x	x		x	
14062	75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	x	x		x	
14063	76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x	x	
14064	77	Chụp Xquang Chausse III	x	x	x		x	
14065	78	Chụp Xquang Schuller	x	x	x		x	
14066	79	Chụp Xquang Stenvers	x	x	x		x	
14067	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x		x	
14068	81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	x	x	x	x	x	
14069	82	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	x	x	x		x	
14071	84	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	x	x	x		x	
14072	85	Chụp Xquang mỏm trâm	x	x	x		x	
14073	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x	x	
14074	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên	x	x	x		x	
14075	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x		x	
14076	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x		x	
14077	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch	x	x	x	x	x	
14078	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x	x	
14079	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên	x	x	x	x	x	
14080	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x	x	
14081	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn	x	x	x		x	
14082	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	x	x		x	
14083	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x		x	
14084	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên	x	x	x		x	
14085	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x	x	
14086	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch	x	x	x	x	x	
14087	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x	x	
14088	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéch	x	x	x		x	
14089	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x	x	
14090	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
14091	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x	x	
14092	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x	x	
14093	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x	x	
14094	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x	x	
14095	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x	x	
14096	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x	x	
14097	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x		x	
14098	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x	x	
14099	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x	x	
14100	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x		x	
14101	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x	x	
14102	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x	x	
14103	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x	x	
14104	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x	x	
14105	118	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng	x	x			x	
14106	119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x	x	
14107	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	x	x	
14108	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x		x	
14109	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x	x	x		x	
14110	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x	x	
14111	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	x	x	
14112	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x	x	
14114	127	Chụp Xquang tại giường	x	x	x		x	
14115	128	Chụp Xquang tại phòng mổ	x	x	x		x	
14117		2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị						
14137		C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)						
14297		D. CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ (Cộng hưởng từ)						
14450		Đ. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP						
14451		1. Chụp mạch dưới Xquang tăng sáng						
14465		2. Chụp và can thiệp mạch dưới Xquang tăng sáng						
14518		3. Chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)						
14534		4. Chụp và can thiệp mạch số hóa xóa nền						
14620		5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm						
14640	620	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x		x	
14641	621	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x		x	
14654		6. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính						
14675		7. Can thiệp dưới cộng hưởng từ						
14679		8. Điện quang tìm mạch						
14699	XIX	Y HỌC HẠT NHÂN						
14700		A. CHẨN ĐOÁN						
15040		B. ĐIỀU TRỊ						
15092	XX	NỘI SOI						
15093		A. SỌ NÃO						
15096		B. TAI - MŨI - HỌNG						
15110		C. KHÍ- PHẾ QUẢN						
15132		D. LỒNG NGỰC- PHỔI						
15140		Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG						
15180		E. TIẾT NIỆU						

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
15194		G. KHỚP						
15197		H. PHỤ SẢN						
15207	XXI	THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG						
15208		A. TIM, MẠCH						
15212	4	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)	X	X	X	X	X	
15221	13	Nghiệm pháp dây thắt	X	X	X	X	X	
15222	14	Điện tim thường	X	X	X	X	X	
15223		B. HÔ HẤP						
15231	22	Test dung tích sống gắng sức (FVC)	X	X	X		X	
15232	23	Test dung tích sống thở chậm (SVC)	X	X	X		X	
15233	24	Thông khí tự ý tối đa (MVV)	X	X	X		X	
15237		C. THẦN KINH, TÂM THẦN						
15250	40	Ghi điện não đồ thông thường	X	X	X		X	
15253		D. TIÊU HÓA, TIẾT NIỆU						
15263		Đ. TAI MŨI HỌNG						
15281	69	Đo âm ốc tai (OAE) sàng lọc	X	X	X		X	
15282		E. MẮT						
15290	77	Test thử cảm giác giác mạc	X	X	X		X	
15291	78	Test phát hiện khô mắt	X	X	X		X	
15292	79	Nghiệm pháp phát hiện glacom	X	X	X		X	
15293	80	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm	X	X	X		X	
15294	81	Đo thị trường chu biên	X	X	X		X	
15295	82	Đo sắc giác	X	X	X		X	
15296	83	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	X	X	X		X	
15298	85	Đo khúc xạ giác mạc Javal	X	X	X		X	
15299	86	Thử kính	X	X	X		X	
15301	88	Xác định sơ đồ song thị	X	X	X		X	
15303	90	Đo đường kính giác mạc	X	X	X		X	
15306	93	Đo thị lực	X	X	X	X	X	
15308		G. CƠ XƯƠNG KHỚP						
15318	104	Test prostigmin chẩn đoán nhược cơ	X	X	X	X	X	
15319	105	Nghiệm pháp Atropin	X	X	X	X	X	
15320		H. NỘI TIẾT						
15333	118	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin	X	X	X			
15337	122	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin	X	X	X			
15343	XXII							
15344		A. XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU						
15345	1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	X	X	X		X	
15346	2	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	X	X	X		X	
15347	3	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công	X	X	X		X	
15348	4	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay	X	X	X	X	X	
15349	5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	X	X	X		X	
15350	6	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.	X	X	X		X	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyet	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
15351	7	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công	x	x	x		x	
15352	8	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	x	x	x		x	
15353	9	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	x	x	x		x	
15354	10	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công	x	x	x		x	
15355	11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	x	x	x		x	
15356	12	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	x	x	x		x	
15357	13	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	x	x	x		x	
15358	14	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	x	x	x		x	
15359	15	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	x	x	x		x	
15363	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	x	x	
15364	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	x	x	x	x	x	
15365	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	x	x	x	x	x	
15366	22	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x	x	
15368	24	Bán định lượng D-Dimer	x	x	x		x	
15370	26	Phát hiện kháng đông nội sinh (Tên khác: Mix test)	x	x	x		x	
15387	43	Định lượng FDP	x	x	x		x	
15388	44	Bán định lượng FDP	x	x	x		x	
15422	78	Đo độ quánh máu toàn phần, huyết tương	x	x	x		x	
15423		B. SINH HÓA HUYẾT HỌC						
15437	92	Đo huyết sắc tố niệu	x	x	x		x	
15447	102	Sức bền thẩm thấu hồng cầu	x	x	x		x	
15462	117	Định lượng sắt huyết thanh	x	x	x		x	
15463		C. TẾ BÀO HỌC						
15464	118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x	x	x	x	x	
15465	119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x	x	
15466	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x		x	
15467	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	x	x		x	
15469	123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x		x	
15470	124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x		x	
15471	125	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	x	x	x		x	
15480	134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x		x	
15482	136	Tìm mảnh vỡ hồng cầu	x	x	x		x	
15483	137	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ	x	x	x		x	
15484	138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x	x	
15485	139	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	x	x	x		x	
15486	140	Tìm giun chỉ trong máu	x	x	x	x	x	
15487	141	Tập trung bạch cầu	x	x			x	
15488	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
15489	143	Máu lắng (bằng máy tự động)	x	x	x		x	
15495	149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x	x	
15496	150	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)	x	x			x	vượt tuyến
15497	151	Cặn Addis	x	x	x		x	
15498	152	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công	x	x	x		x	
15499	153	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động	x	x	x		x	
15500	154	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	x	x	x		x	
15506	160	Thẻ tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	x	x	x		x	
15507	161	Định lượng huyết sắc tố (hemoglobin) bằng quang kế	x	x	x		x	
15508	162	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x		x	
15509	163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x		x	
15510	164	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)	x	x	x		x	
15518		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU						
15614	267	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A , B (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x		x	
15615	268	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22 ⁰ C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x		x	
15618	271	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37 ⁰ C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x		x	
15621	274	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x		x	
15626	279	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x		x	
15627	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x		x	
15630	283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	x	x	x		x	
15631	284	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)	x	x	x		x	
15632	285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x		x	
15638	291	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x		x	
15639	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x		x	
15651	304	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x		x	
15655	308	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x		x	
15664		Đ. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC						
15695	347	Xét nghiệm kháng thể kháng dsDNA (ngưng kết latex)	x	x	x		x	
15696	348	Xét nghiệm Đường-Ham	x	x	x		x	
15700	352	Điện di huyết sắc tố	x	x	x		x	
15727		E. DI TRUYỀN HUYẾT HỌC						
15805		G. TRUYỀN MÁU						
15807	457	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu	x	x	x		x	
15816	466	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật nhuộm giêmsa soi kính hiển vi	x	x	x	x	x	
15849		H. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG						

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
15850	499	Rút máu để điều trị	x	x	x		x	
15852	501	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)	x	x	x		x	
15853	502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	x	x	x		x	
15869		I. TẾ BÀO GỐC						
15917	XXIII	HÓA SINH						
15918		A. MÁU						
15921	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x		x	
15925	7	Định lượng Albumin	x	x	x		x	
15927	9	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	x	x	x		x	
15928	10	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x		x	
15936	18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	x	x			x	vượt tuyến
15937	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x		x	
15938	20	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x		x	
15942	24	Định lượng βhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	x	x			x	vượt tuyến
15943	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x		x	
15944	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x		x	
15945	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x		x	
15947	29	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x		x	
15948	30	Định lượng Calci ion hoá	x	x	x		x	
15958	40	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)	x	x	x		x	
15959	41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x		x	
15963	45	Định lượng C-Peptid	x	x	x		x	
15968	50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	x	x	x		x	
15969	51	Định lượng Creatinin	x	x	x		x	
15976	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x		x	
15993	75	Định lượng Glucose	x	x	x		x	
15994	76	Định lượng Globulin	x	x	x		x	
15995	77	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)	x	x	x		x	
16001	83	Định lượng HbA1c	x	x	x		x	
16002	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x		x	
16022	104	Định lượng Lactat (Acid Lactic)	x	x			x	vượt tuyến
16029	111	Đo hoạt độ LDH (Lactate dehydrogenase)	x	x			x	vượt tuyến
16030	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x		x	
16046	128	Định lượng Phospho	x	x	x		x	
16047	129	Định lượng Pre-albumin	x	x			x	
16048	130	Định lượng Pro-calcitonin	x	x			x	
16049	131	Định lượng Prolactin	x	x			x	
16050	132	Điện di Protein (máy tự động)	x	x			x	
16051	133	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x		x	
16061	143	Định lượng Sắt	x	x	x		x	
16076	158	Định lượng Triglycerid	x	x	x		x	
16084	166	Định lượng Urê	x	x	x		x	
16090		B. NƯỚC TIỂU						
16091	172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	x	x	x		x	
16092	173	Định tính Amphetamin (test nhanh)	x	x	x	x	x	
16093	174	Định lượng Amphetamine	x	x	x		x	
16094	175	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x		x	
16095	176	Định lượng Axit Uric	x	x	x		x	
16098	179	Định tính beta hCG (test nhanh)	x	x	x	x	x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
16099	180	Định lượng Canxi	x	x	x		x	
16103	184	Định lượng Creatinin	x	x	x		x	
16104	185	Định lượng Đường chấp	x	x	x		x	
16105	186	Định tính Đường chấp	x	x	x		x	
16106	187	Định lượng Glucose	x	x	x		x	
16107	188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	x	x	x	x	x	
16112	193	Định tính Opiate (test nhanh)	x	x	x	x	x	
16113	194	Định tính Morphin (test nhanh)	x	x	x	x	x	
16114	195	Định tính Codein (test nhanh)	x	x	x	x	x	
16115	196	Định tính Heroin (test nhanh)	x	x	x	x	x	
16116	197	Định lượng Phospho	x	x	x		x	
16117	198	Định tính Phospho hữu cơ	x	x	x	x	x	
16118	199	Định tính Porphyrin	x	x	x	x	x	
16120	201	Định lượng Protein	x	x	x		x	
16121	202	Định tính Protein Bence -jones	x	x	x	x	x	
16124	205	Định lượng Ure	x	x	x		x	
16125	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	x	x	x	x	x	
16126		C. DỊCH NÃO TỦY						
16127	207	Định lượng Clo	x	x	x		x	
16128	208	Định lượng Glucose	x	x	x		x	
16129	209	Phản ứng Pandy	x	x	x		x	
16130	210	Định lượng Protein	x	x	x		x	
16131		D. THỦY DỊCH MẮT						
16134		E. DỊCH CHỌC ĐỎ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)						
16136	214	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x		x	
16137	215	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x		x	
16138	216	Định lượng Creatinin	x	x	x		x	
16139	217	Định lượng Glucose	x	x	x		x	
16141	219	Định lượng Protein	x	x	x		x	
16142	220	Phản ứng Rivalta	x	x	x		x	
16143	221	Định lượng Triglycerid	x	x	x		x	
16144	222	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	x	x	x		x	
16145	223	Định lượng Ure	x	x	x		x	
16146	XXIV	VI SINH						
16147		A. VI KHUẨN						
16148		1. Vi khuẩn chung						
16149	1	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	x	x	
16150	2	Vi khuẩn test nhanh	x	x	x	x	x	
16151	3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	x	x	x		x	
16154	6	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	x	x	x		x	
16164	16	Vi hệ đường ruột	x	x	x	x	x	
16165		2. Mycobacteria						
16166	17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	x	x	x	x	x	
16167	18	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang	x	x	x		x	
16170	21	Mycobacterium tuberculosis Mantoux	x	x	x	x	x	
16177	28	Mycobacterium tuberculosis định danh và kháng RMP Xpert	x	x	x		x	
16188	39	Mycobacterium leprae nhuộm soi	x	x	x		x	
16191		3. Vibrio cholerae						
16192	42	Vibrio cholerae soi tươi	x	x	x	x	x	
16193	43	Vibrio cholerae nhuộm soi	x	x	x	x	x	
16199		4. Neisseria gonorrhoeae						

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
16200	49	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi	x	x	x	x	x	
16207		5. Neisseria meningitidis						
16208	56	Neisseria meningitidis nhuộm soi	x	x	x	x	x	
16212		6. Các vi khuẩn khác						
16213	60	Chlamydia test nhanh	x	x	x	x	x	
16226	73	Helicobacter pylori Ag test nhanh	x	x	x	x	x	
16227	74	Helicobacter pylori Ab test nhanh	x	x	x	x	x	
16233	80	Leptospira test nhanh	x	x	x	x	x	
16238	85	Mycoplasma hominis test nhanh	x	x	x	x	x	
16247	94	Streptococcus pyogenes ASO	x	x	x	x	x	
16248	95	Treponema pallidum soi tươi	x	x	x	x	x	
16249	96	Treponema pallidum nhuộm soi	x	x	x		x	
16251	98	Treponema pallidum test nhanh	x	x	x	x	x	
16256	103	Ureaplasma urealyticum test nhanh	x	x	x		x	
16261		B. VIRUS						
16262		1. Virus chung						
16263	108	Virus test nhanh	x	x	x	x	x	
16268	113	Virus Xpert	x	x	x		x	
16272		2. Hepatitis virus						
16273	117	HBsAg test nhanh	x	x	x	x	x	
16278	122	HBsAb test nhanh	x	x	x	x	x	
16279	123	HBsAb miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16281	125	HBc IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16283	127	HBcAb test nhanh	x	x	x	x	x	
16284	128	HBc total miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16286	130	HBeAg test nhanh	x	x	x	x	x	
16287	131	HBeAg miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16289	133	HBeAb test nhanh	x	x	x	x	x	
16290	134	HBeAb miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16300	144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x	x	
16301	145	HCV Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16303	147	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16311	155	HAV Ab test nhanh	x	x	x	x	x	
16312	156	HAV IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16314	158	HAV total miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16316	160	HDV Ag miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16317	161	HDV IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16318	162	HDV Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16319	163	HEV Ab test nhanh	x	x	x	x	x	
16320	164	HEV IgM test nhanh	x	x	x	x	x	
16321	165	HEV IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16323	167	HEV IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16324	168	HEV IgG miễn dịch tự động	x	x	x		x	
16325		3. HIV						
16326	169	HIV Ab test nhanh	x	x	x	x	x	
16327	170	HIV Ag/Ab test nhanh	x	x	x	x	x	
16330	173	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16331	174	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động	x	x	x		x	
16340		4. Dengue virus						
16341	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x	x	x	x	
16342	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x	x	
16343	185	Dengue virus IgA test nhanh	x	x	x	x	x	
16344	186	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
16345	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x	x	
16346	188	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16347	189	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16351		5. Herpesviridae						
16352	193	CMV IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16354	195	CMV IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16360	201	HSV 1 IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16362	203	HSV 1 IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16364	205	HSV 2 IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16366	207	HSV 2 IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16368	209	HSV 1+2 IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16370	211	HSV 1+2 IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16375	216	EBV-VCA IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16377	218	EBV-VCA IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16384		6. Enterovirus						
16385	225	EV71 IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x	x	
16392		7. Các virus khác						
16404	243	Influenza virus A, B test nhanh	x	x	x	x	x	
16408	247	Measles virus Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16410	249	Rotavirus test nhanh	x	x	x	x	x	
16411	250	Rotavirus Ag miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16413	252	RSV Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16415	254	Rubella virus Ab test nhanh	x	x	x	x	x	
16416	255	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16418	257	Rubella virus IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16424		C. KÝ SINH TRÙNG						
16425		1. Ký sinh trùng trong phân						
16426	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x	x	x	x	x	
16427	264	Hồng cầu trong phân test nhanh	x	x	x	x	x	
16428	265	Đơn bào đường ruột soi tươi	x	x	x	x	x	
16429	266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	x	x	x	x	x	
16430	267	Trứng giun, sán soi tươi	x	x	x	x	x	
16431	268	Trứng giun soi tập trung	x	x	x	x	x	
16432	269	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	x	x	x	x	x	
16433	270	Cryptosporidium test nhanh	x	x	x	x	x	
16435		2. Ký sinh trùng trong máu						
16438	274	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16440	276	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16442	278	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16444	280	Entamoeba histolytica (Amip) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16446	282	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16448	284	Filaria (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	x	x	x	x	x	
16449	285	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16451	287	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16453	289	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	x	x	x	x	x	
16455	291	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	x	x	x	x	x	
16456	292	Schistosoma (Sán máng) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16458	294	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
			(3)					
	(1)	(2)	A	B	C	D		
16460	296	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16462	298	Toxoplasma IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16464	300	Toxoplasma IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16467	303	Trichinella spiralis (Giun xoắn) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x		x	
16468	304	Trichinella spiralis (Giun xoắn) Ab miễn dịch tự động	x	x			x	
16469		3. Kỹ sinh trùng ngoài da						
16470	305	Demodex soi tươi	x	x	x	x	x	
16471	306	Demodex nhuộm soi	x	x	x		x	
16472	307	Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi	x	x	x	x	x	
16473	308	Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi	x	x	x		x	
16474	309	Sarcoptes scabies hominis (Ghè) soi tươi	x	x	x	x	x	
16475	310	Sarcoptes scabies hominis (Ghè) nhuộm soi	x	x	x		x	
16476		4. Kỹ sinh trùng trong các bệnh phẩm khác						
16477	311	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết	x	x	x		x	
16478	312	Gnathostoma ấu trùng soi mảnh sinh thiết	x	x	x		x	
16479	313	Pneumocystis jirovecii nhuộm soi	x	x			x	
16480	314	Taenia (Sán dây) soi tươi định danh	x	x	x		x	
16481	315	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh thiết	x	x	x		x	
16482	316	Trichinella spiralis (Giun xoắn) soi mảnh sinh thiết	x	x	x		x	
16483	317	Trichomonas vaginalis soi tươi	x	x	x	x	x	
16484	318	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	x	x	x		x	
16485		D. VI NẤM						
16486	319	Vi nấm soi tươi	x	x	x	x	x	
16487	320	Vi nấm test nhanh	x	x	x	x	x	
16488	321	Vi nấm nhuộm soi	x	x	x		x	
16496		Đ. ĐÁNH GIÁ NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN						
16497	329	Vi sinh vật cấy kiểm tra không khí	x	x	x		x	
16498	330	Vi sinh vật cấy kiểm tra bàn tay	x	x	x		x	
16499	331	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng	x	x	x		x	
16500	332	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt	x	x	x		x	
16501	333	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt	x	x	x		x	
16502	334	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước thải	x	x	x		x	
16503	335	Vi khuẩn kháng thuốc - Phát hiện người mang	x	x	x		x	
16504	336	Vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nhiễm	x	x	x		x	
16505	XXV	GIẢI PHẪU BỆNH						
16581	76	Nhuộm Giemsa	x	x	x	x	x	
16582	77	Nhuộm May Grunwald – Giemsa	x	x	x		x	
16596	XXVI	VI PHẪU						
16597		A. THẦN KINH SỌ NÃO						
16604		B. HÀM MẬT						
16617		C. TAI MŨI HỌNG						
16627		D. SẢN PHỤ KHOA						
16632		Đ. CÁC CHUYÊN KHOA NGOẠI KHÁC						
16660	XXVII	PHẪU THUẬT NỘI SOI						
16661		A. SỌ NÃO - ĐẦU- MẶT- CỔ						
16724		B. CỘT SỐNG						
16739		C. LÒNG NGỰC- PHỔI- TIM - MẠCH						
16786		D. BỤNG – TIÊU HOÁ						
17026		Đ. TIẾT NIỆU-SINH DỤC						
17134		E. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG						

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyet	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
17190		G. TẠO HÌNH						
17205		H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC						
17207	XXVIII	TẠO HÌNH - THẨM MỸ						
17208		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ						
17209		1. Vùng xương sọ- da đầu						
17210	1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc	x	x	x	x	x	
17211	2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	x	x	x	x	x	
17212	3	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật tại chỗ	x	x	x		x	
17213	4	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật lân cận	x	x	x		x	
17217	8	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x	x		x	
17218	9	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x		x	
17219	10	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2cm trở lên	x	x	x		x	
17242		2. Vùng mi mắt						
17243	33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	x	x	x	x	x	
17244	34	Khâu da mi	x	x	x		x	
17245	35	Khâu phục hồi bờ mi	x	x			x	
17246	36	Khâu cắt lọc vết thương mi	x	x	x	x	x	
17272	62	Phẫu thuật giải phóng sẹo bóng mi mắt	x	x	x		x	
17273	63	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da lành tính mi mắt	x	x	x		x	
17293		3. Vùng mũi						
17294	83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi	x	x	x		x	
17321		4. Vùng môi						
17322	110	Khâu vết thương vùng môi	x	x	x		x	
17348		5. Vùng tai						
17349	136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai	x	x	x	x	x	
17350	137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai	x	x	x	x	x	
17351	138	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	x	x	x		x	
17361	148	Phẫu thuật tạo hình thu nhỏ vành tai	x	x	x		x	
17364	151	Phẫu thuật tạo hình cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x		x	
17369	156	Phẫu thuật tạo hình sẹo bóng vành tai	x	x	x		x	
17370	157	Phẫu thuật tạo hình sẹo lõm quá phát vành tai	x	x	x		x	
17371	158	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	x	x	x		x	
17374		6. Vùng hàm mặt cổ						
17375	161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	x	x	x	x	x	
17376	162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	x	x	
17377	163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x	x	x	
17378	164	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	x	x	x		x	
17381	167	Phẫu thuật khâu vết thương thẩu má	x	x	x		x	
17389	175	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chỉnh	x	x	x		x	
17390	176	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x	x		x	
17431	217	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ	x	x	x		x	
17439	225	Cắt u phần mềm vùng cổ	x	x	x		x	
17440	226	Cắt novis sắc tổ vùng hàm mặt	x	x	x		x	
17441	227	Cắt u sắc tổ vùng hàm mặt	x	x	x		x	
17443	229	Cắt u xơ thần kinh vùng hàm mặt	x	x	x		x	
17455		B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH						

STT	ID	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN				Đề nghị phê duyệt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)					
			A	B	C	D		
17501		C. TẠO HÌNH VÙNG CƠ QUAN SINH DỤC NGOÀI						
17531		D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY						
17551	334	Phẫu thuật vết thương khớp bàn ngón	x	x	x		x	
17553	336	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính	x	x	x		x	
17554	337	Nối gân gấp	x	x	x		x	
17555	338	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x		x	
17557	340	Nối gân duỗi	x	x	x		x	
17558	341	Gỡ dính gân	x	x	x		x	
17569	352	Rút nếp vết và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	x	x	x		x	
17602		D. TẠO HÌNH CHO VÙNG CHI DƯỚI						
17628		E. THẨM MỸ						
17704	485	Phẫu thuật thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài nữ	x	x	x		x	
17705	486	Phẫu thuật thu nhỏ âm đạo	x	x	x		x	
17706	487	Laser điều trị u da	x	x	x		x	
17707	488	Laser điều trị nám da	x	x	x		x	
17708	489	Laser điều trị đồi mồi	x	x	x		x	
17709	490	Laser điều trị nếp nhăn	x	x	x		x	